



Ảnh: ERC

Đại dịch và khái niệm phát triển bền vững mới?

GIÁN ĐOẠN, ỨNG PHÓ VÀ CHIẾN LƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRONG NGÀNH MAY MẶC VÀ DA GIÀY TẠI VIỆT NAM



Lời cảm ơn

Nghiên cứu “Tác động của COVID-19 tới ngành may mặc và da giày” là một sáng kiến được thực hiện trong khuôn khổ Nhóm hợp tác Công tư về phát triển ngành may mặc và da giày bền vững tại Việt Nam – giữa Bộ Công Thương, Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững (IDH) và Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cá nhân và tổ chức đã hỗ trợ thực hiện nghiên cứu này. Nếu không có sự hỗ trợ của họ, nghiên cứu này sẽ không thể hoàn thành được.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Chính phủ Hà Lan và nhãn hàng Target đã tài trợ cho nghiên cứu.

Đồng thời, xin gửi lời cảm ơn tới các nhóm nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ Lao động (ERC), Care International Việt Nam, các cán bộ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) và Hiệp hội Da giày Túi xách Việt Nam (LEFASO) đã trực tiếp hỗ trợ thiết kế, thu thập thông tin và đóng góp ý kiến cho nghiên cứu này. Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn tới Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững, Tổ chức CNV International, và Fair Wear Foundation đã điều phối và hỗ trợ nghiên cứu này.

Cuối cùng, xin trân trọng cảm ơn các nhãn hàng, doanh nghiệp, người lao động và các chuyên gia đã đưa ra những đóng góp quý báu để báo cáo được hoàn thiện hơn.

Đại dịch và khái niệm phát triển bền vững mới?

GIÁN ĐOẠN, ỨNG PHÓ VÀ CHIẾN LƯỢC ĐIỀU
CHỈNH TRONG NGÀNH MAY MẶC VÀ DA GIÀY
TẠI VIỆT NAM

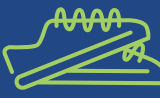
Tóm tắt Báo cáo

- Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng lớn tới ngành công nghiệp may mặc và da giày tại Việt Nam

Sau nhiều thập kỷ tăng trưởng liên tục giá trị xuất khẩu



10.2% ↓ 

9.6% ↓ 

- Quá trình phục hồi rất chậm và không đồng đều: chỉ có khoảng 10% các nhà sản xuất lớn nhất cho biết họ đang phục hồi, số còn lại vẫn chìm trong khó khăn
- Những thực tiễn mua hàng mới đang xuất hiện trong chuỗi cung ứng toàn cầu: với các đơn hàng nhỏ hơn, thời gian giao hàng ngắn hơn, các quy định về chất lượng cao hơn, và giá thành thấp hơn đi đôi với điều kiện tuân thủ các tiêu chuẩn về lao động và môi trường chặt chẽ hơn.

- Những thực tiễn mua hàng mới do các nhãn hàng quy định này thường tạo ra những áp lực chi phí rất đối lập nhau



60.9% các nhà cung cấp cảm thấy sự cạnh tranh trở nên gay gắt hơn khi các nhãn hàng rút ngắn các chuỗi cung ứng



45.1% cho biết giá cả giảm



36% thấy rằng các áp lực tuân thủ các điều kiện lao động tăng cao và kéo theo là nhà cung cấp phải chịu các chi phí cao hơn

- Trong năm 2020, phần lớn các doanh nghiệp đều không thể tránh được việc phải cắt giảm chi phí lao động



90% các doanh nghiệp cắt giảm thời gian làm thêm giờ



62% cắt giảm phụ cấp và thưởng



55.8% cho công nhân tạm thời nghỉ việc không lương



15% các doanh nghiệp đã sa thải tới 20% số lao động của mình

Các con số này sẽ giảm trong Quý 1 năm 2021

- Mặc dù đại dịch đã gây ra những tác động kinh tế khủng khiếp, nhiều nhà sản xuất vẫn bền bỉ hoạt động và đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế mới



55.7% có kế hoạch đầu tư vào tự động hóa sản xuất



49.8% xây dựng các sản phẩm mới



41.5% đầu tư vào việc cải thiện và nâng cao kỹ năng cho lao động



Vẫn có **33%** các nhà máy sẽ phải thu nhỏ hoạt động khi quay lại sản xuất theo đơn hàng CMT

Người lao động cũng phải chịu những tác động đa chiều sâu rộng. Đặc biệt, các tác động này còn trở nên trầm trọng hơn do các vấn đề mang tính hệ thống tại quốc gia, như:

- Tiếng nói của người lao động thường không được đề cao tại nơi làm việc trong thời gian đại dịch

Chỉ có **20%** 

số người lao động được thông báo về các biện pháp cắt giảm chi phí lao động

Gần **10%** 

số người lao động cho biết người sử dụng lao động của mình có hành vi phân biệt đối xử đối với người lao động lớn tuổi và lao động nữ, bao gồm cả lao động nữ đang mang thai, khi áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí lao động

Chỉ có **15%** 

số đoàn viên công đoàn quyết định khiếu nại về các biện pháp cắt giảm chi phí lao động thông qua công đoàn tại doanh nghiệp

- Người lao động hiện đang rơi vào bờ vực nghèo đói – lao động nữ bị ảnh hưởng nặng nề hơn

33% 

Người lao động mất thu nhập trung bình so với tổng thu nhập năm 2019. Với những người lao động bị cho thôi việc, mức thu nhập giảm **59%**

27% 

Là mức giảm thu nhập của lao động nữ hiện vẫn đang làm việc, trong khi mức này ở lao động nam là **19%** và là **63%** so với những người lao động mất việc là **51%**

65.8% 

Người lao động mất việc chưa tìm được việc mới, và **23.3%** đã tìm được các công việc tạm thời, phi chính thức. Do đó, vẫn còn **12%** số người lao động mất việc đang sống dưới mức chuẩn nghèo mà Ngân hàng Thế giới đưa ra

Dự đoán khoảng **2.4%** người lao động trong ngành may mặc và da giày sẽ chịu đói nghèo trong Quý 2 và Quý 3 của năm 2020



Tỷ lệ người lao động mắc nợ tăng từ **29%** lên **37%**, với **13%** người lao động vay các khoản vay nặng lãi



- Tỷ lệ bạo lực chống lại lao động nữ cũng tăng gấp đôi

19.8% 

Trong vòng 6 tháng qua, Lao động nữ chịu ít nhất một hình thức bạo lực,¹ ở nhà hoặc ở nơi làm việc

53.2% 

Là tỷ lệ bạo lực gia đình chống lại phụ nữ trong giai đoạn đại dịch COVID-19 tăng gần gấp đôi

12% 

Người lao động nữ nhận thấy tình trạng quấy rối tình dục² gia tăng

1. Bạo lực giới đề cập tới những hành vi có hại nhằm vào một cá nhân dựa trên nền tảng giới tính. Nghiên cứu này xem xét 6 hình thức đối xử, bao gồm: (1) Mắng mỏ, sử dụng ngôn ngữ xúc phạm, bôi nhọ; (2) đánh đập; (3) nhím chăm chăm vào các bộ phận cơ thể (như ngực, eo hay hông) tạo cảm giác không thoải mái; (4) Lời nói/nhận xét tục tĩu hay ám chỉ về ngoại hình/cơ thể; (5) Chủ đích động chạm các bộ phận cơ thể (như ngực, eo hay hông); và (6) gạ gẫm/ép buộc quan hệ tình dục, sử dụng tình dục làm phương thức trao đổi các lợi ích việc làm.

2. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc trong nghiên cứu này xem xét các hành vi xảy ra trong quan hệ việc làm, như điều kiện để đạt được một lợi ích nào đó trong công việc (như có việc làm liên tục), hay môi trường làm việc không lành mạnh. Những hành vi này có thể là các hành vi thể chất, như bạo lực, sờ mó, không giữ khoảng cách cần thiết; ngôn từ, như nhận xét hay hỏi thăm về diện mạo/cơ thể, hay ngôn ngữ có xu hướng tình dục; và các hành vi vi phạm ngôn ngữ khác như huýt sáo, các cử chỉ gợi ý về tình dục, trưng bày các đồ vật tình dục hay gửi phim ảnh văn hóa phẩm đồi trụy qua điện thoại, tin nhắn hay email.

- Với các áp lực gia tăng chi phí ngày càng cao, hàng ngàn doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể sẽ phải thu giảm quy mô sản xuất hoặc đóng cửa, dẫn đến thực tế rằng tình hình lao động sẽ có những biến chuyển lớn

15% 

lực lượng lao động trong ngành may mặc và da giày có khả năng lớn sẽ chuyển sang làm các ngành công nghiệp sản xuất khác

11% 

số người lao động hiện nay vẫn làm việc trong khu vực ngành nghề này, tuy nhiên sẽ chuyển sang làm các công việc nhất thời

29% 

sẽ chuyển sang các công việc khác trong khu vực phi chính thức

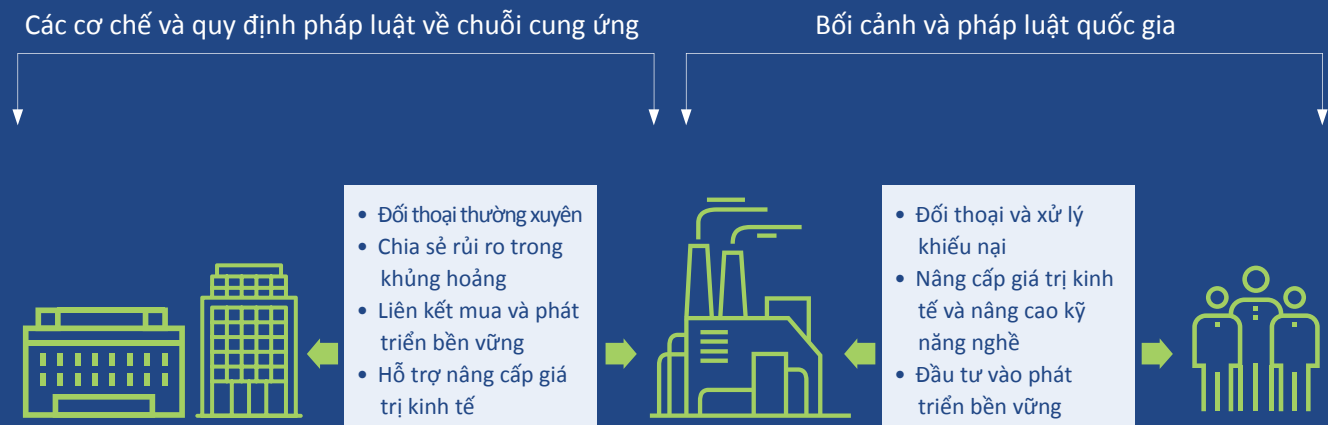
Đại dịch đã cho thấy mô hình nào trong chuỗi cung ứng phát triển bền vững có hiệu quả, và mô hình nào thì không. Một số các bài học kinh nghiệm lớn nhất có thể kể đến bao gồm:



- Đối thoại có vai trò vô cùng quan trọng (giữa người mua và nhà cung ứng, giữa các nhà máy cung cấp và người lao động trong nhà máy)
- Nâng cấp giá trị kinh tế phải đi đôi với phát triển bền vững
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được khuyến khích tham gia vào chuỗi cung ứng
- So với các cơ chế hỗ trợ khẩn cấp, những cơ chế hỗ trợ có hệ thống thường dễ tiếp cận hơn và hiệu quả hơn đối với NLĐ trong khủng hoảng.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ áp lực chi phí xung đột và sự phân hóa các ngành công nghiệp sau đại dịch, cũng như xây dựng nền công nghiệp phát triển bền vững và bền bỉ hơn, Báo cáo này sẽ đề xuất cách tiếp cận tổng thể về phát triển bền vững trong các chuỗi cung ứng toàn cầu

Phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng sau đại dịch



Mục lục

<i>Tại sao Báo cáo này ra đời?</i>	8
1. Nỗ lực phòng chống COVID-19 của Việt Nam	12
2. Áp lực chi phí trái chiều và sự phân hóa trong chuỗi cung ứng toàn cầu	18
3. Người gánh chịu tổn thất trên vai: Các tác động đa chiều lên người lao động	32
4. Định nghĩa lại về phát bền vững: Một số khuyến nghị	44

Các từ viết tắt

FWF	Fair Wear Foundation
CMT	Gia công
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FWF	Fair Wear Foundation
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
TCTK	Tổng cục Thống kê
GSC	Chuỗi cung ứng toàn cầu
IDH	Sáng kiến thương mại bền vững IDH
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
ITMF	Liên đoàn May mặc thế giới
LEFASO	Hiệp hội Da giày Túi xách Việt Nam
NLĐ	Người lao động
NSDLĐ	Người sử dụng lao động
OBM	Sản xuất nhãn hàng gốc
ODM	Sản xuất thiết kế gốc
OEM	Sản xuất thiết bị gốc
VITAS	Hiệp hội Dệt may Việt Nam

Danh mục bảng biểu, hình và hộp thông tin

Bảng 1. Tổng quan về ngành may mặc và da giày tại Việt Nam (2019)	9
Bảng 2. Khảo sát người lao động	11
Hình 1. Khảo sát nhà cung ứng	12
Hình 2. Khảo sát trực tuyến các nhãn hàng mua từ Việt Nam	12
Hình 3. Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2011-2020, và theo quý năm 2020	14
Hình 4. Lực lượng lao động Việt Nam, 2010-2020	15
Hình 5. Các chương trình hỗ trợ trong COVID-19	16
Hình 6. Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ của Nhà nước	17
Hình 7. Nguyên nhân khó tiếp cận	17
Hình 8. Giá trị xuất khẩu theo tháng các SP may mặc và da giày, tháng 3-tháng 12 năm 2020	19
Hình 9. Giá trị xuất khẩu theo tháng các SP may mặc và da giày tới EU và Hoa Kỳ, tháng 3 - 12 năm 2020	19
Hình 10. Các tác động trực tiếp của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp may mặc và da giày	20
Hình 11. Xu hướng điều chỉnh của các nhãn hàng thời trang trong COVID-19	21
Hình 12. Các nhãn hàng mong muốn nhà cung cấp của mình điều chỉnh những gì?	22
Hình 13. Các thay đổi trong chính sách của người mua, theo quan điểm của các nhà cung cấp	22
Hình 14: Các tác động của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp may mặc và da giày Việt Nam	24
Hình 15. Phản ứng của các doanh nghiệp, hiện nay và trong tương lai	25
Hình 16. Các biện pháp cắt giảm lao động do doanh nghiệp áp dụng trong 9 tháng đầu năm 2020	26
Hình 17. Những điều chỉnh trong tương lai của ngành may mặc và da giày	27

Hình 18. Quan sát của NLD về nhóm NLD dễ bị sa thải nhất?	34
Hình 19. Các kênh mà NLD sử dụng để phản hồi bất đồng về các biện pháp cắt giảm chi phí	35
Hình 20. Những thay đổi về thu nhập ở các nhóm NLD	36
Hình 21. So sánh mức thu nhập bình quân theo tháng của NLD trong ngành may mặc và da giày đang làm việc và đã mất việc, tháng 1 – tháng 7 năm 2020	37
Hình 22. Tình trạng việc làm của NLD mất việc trong các nhà máy may mặc và da giày	38
Hình 23. Các nguồn hỗ trợ NLD đã được nhận trong đại dịch và mức độ hữu ích đối với họ	42
Hộp 1. Nâng cấp giá trị kinh tế được định nghĩa là quá trình các doanh nghiệp dịch chuyển từ các hoạt động có giá trị thấp sang các hoạt động có giá trị tương đối cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp có thể nâng cấp giá trị kinh tế thông qua 4 cách thức	29
Hộp 2. Quan hệ đối tác chặt chẽ giữa nhãn hàng và nhà cung cấp	30
Hộp 3. Hỗ trợ DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng	31
Hộp 3. Nạn nhân của tín dụng đen	38
Hộp 4. Mất việc làm, và mắc kẹt ở nhà với người chồng bạo lực	39
Hộp 5. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc	40

Tại sao Báo cáo này ra đời?

Việt Nam trong thời gian qua được ca ngợi là một trong những quốc gia ngăn chặn đại dịch COVID-19 thành công nhất trên thế giới³ với số ca nhiễm ở dưới 2000 ca và nền kinh tế vẫn tăng trưởng ở mức 2.9% trong năm 2020. Nhưng bức tranh tươi sáng này vẫn còn thiếu hụt mảnh ghép về những khó khăn của hàng ngàn doanh nghiệp và hàng triệu người lao động (NLĐ). Ngành công nghiệp may mặc và da giày là những ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất, và câu chuyện ở đây không phải là ngoại lệ nếu so sánh với các quốc gia xuất khẩu đồ may mặc khác: đó là sự gián đoạn nguồn cung vật liệu, đơn hàng bị hủy bỏ, vận chuyển bị trì hoãn, và các khoản thanh toán bị chậm - dẫn đến hàng triệu NLĐ trực tiếp phải ngừng việc, giảm thu nhập, và mất việc. Từ đó, NLĐ và gia đình của mình rơi vào nghèo đói do phải cắt giảm các chi tiêu cơ bản về thực phẩm, nhà ở, chăm sóc sức khỏe và buộc phải vay các khoản vay tín dụng đen. Bảo lực chống lại NLĐ nữ - vốn chiếm tới gần 80% tổng lực lượng lao động, cũng gia tăng với tỷ lệ đáng lo ngại ở cả hai môi trường - ở nhà, và tại nơi làm việc – các nhà máy.

Bảng 1: Tổng quan về ngành may mặc và da giày tại Việt Nam (2019)

Ngành	Số lượng doanh nghiệp	Tỷ lệ doanh nghiệp có ít hơn 50 NLĐ	Số NLĐ	Tỷ lệ NLĐ là nữ
Dệt may	6,961	68.6%	2,500,000	78%
Da giày và sản phẩm du lịch	2,095	61%	1,300,000	76%

Nguồn: Niên giám thống kê (2019)

Nhằm ứng phó với đại dịch, dường như một xu hướng mua hàng mới đã dần xuất hiện trong chuỗi cung ứng ngành may mặc và da giày trên thế giới: các đơn hàng nhỏ hơn – do giờ đây việc mua sắm trực tuyến đã trở nên phổ biến, các yêu cầu về chất lượng cao hơn, thời gian giao hàng ngắn hơn, và giá cả thấp hơn, trong khi áp lực cần đầu tư vào công tác tuân thủ các điều kiện lao động và môi trường ngày càng tăng. Xu hướng mua hàng mới này hứa hẹn đem lại nhiều cơ hội cho các nhà máy lớn, nhưng lại có nguy cơ lấn át các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) vốn nắm tới 60% tỷ lệ việc làm trong hai ngành nói trên tại Việt Nam⁴. Liệu xu hướng này trong ngành công nghiệp thời trang có phải là một trạng thái bền vững hay không? Đây là những bài học rút ra từ đại dịch giúp tất cả các chủ thể trong chuỗi cung ứng toàn cầu phục hồi bền vững, đặc biệt là chủ thể dễ bị tổn thương nhất – những người lao động (nữ)?

Với mong muốn tìm ra đáp án cho những câu hỏi này, tổ chức Fair Wear Foundation và CARE Việt Nam đồng tài trợ thực hiện tài liệu chính sách này, tổng hợp thông tin từ hai nghiên cứu gần đây. Nghiên cứu đầu tiên - "Tác động của COVID-19 tới NLĐ trong ngành

3. <https://www.un.org/en/desa/three-things-made-these-countries-more-successful-fighting-covid>

4. MCSS (2020)



da giày và may mặc tại Việt Nam"⁵, được TARGET và CNV International tài trợ và CARE International tại Việt Nam thực hiện. Nghiên cứu thứ hai - *‘Công nghiệp dệt may và da giày trong khủng hoảng COVID-19 – Các tác động và Phản ứng chiến lược’*⁶ do Sáng kiến Phát triển Thương mại bền vững (IDH), tổ chức CNV International, Fair Wear Foundation (FWF) tài trợ, và Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ Lao động (ERC) thực hiện. Hai nghiên cứu này đã được Nhóm công tác về Hợp tác Công tư vì Phát triển Bền vững trong ngành công nghiệp dệt may và da giày tại Việt Nam (PPP WG) ủy thác.⁷ Nghiên cứu đầu tiên tập trung vào các tác động của COVID-19 tới NLĐ trong ngành da giày và may mặc đã thực hiện khảo sát 1280 NLĐ (bao gồm cả NLĐ bị cho thôi việc và những NLĐ hiện vẫn giữ được công việc trong ngành) trên 5 tỉnh thành, trong thời gian từ tháng 8 tới tháng 9 năm 2020 (Bảng 2). Nghiên cứu thứ 2, thực hiện khảo sát trực tuyến các nhãn hàng thời trang mua hàng từ Việt Nam (Hình 2) và khảo sát 256 các doanh nghiệp da giày, dệt may và may mặc xuất khẩu trên 20 tỉnh thành, từ tháng 8 tới tháng 10 năm 2020 (Hình 1).

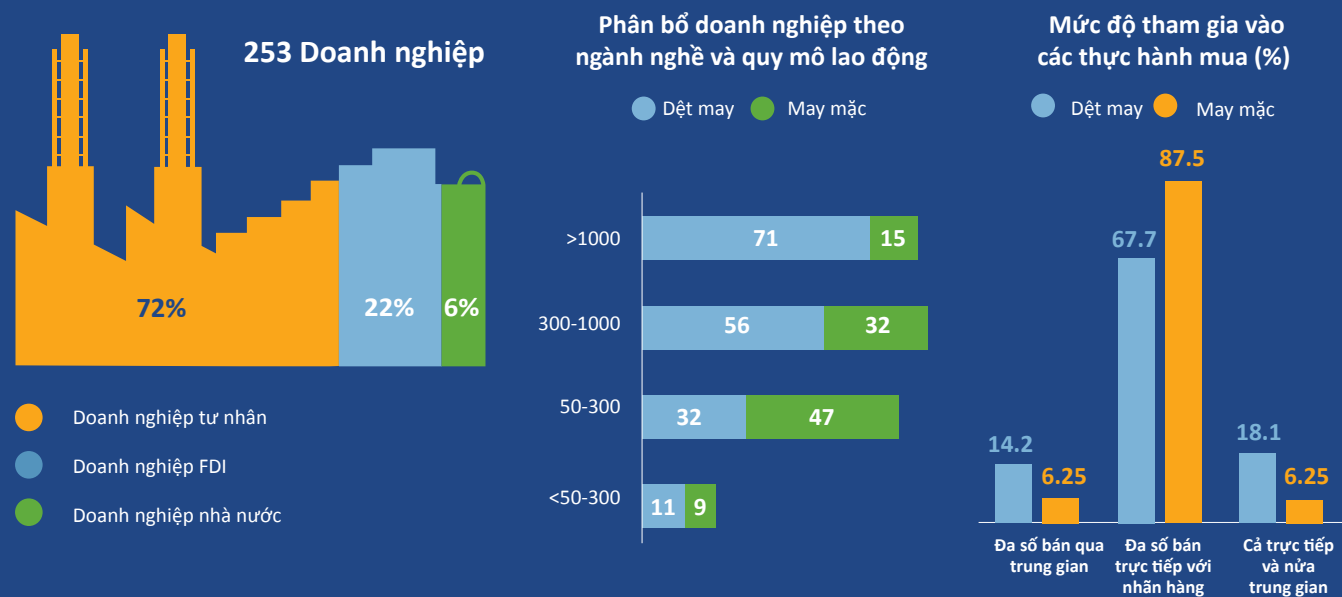
Việc kết hợp nội dung hai nghiên cứu trên trong Báo cáo này sẽ giúp phác họa một bức tranh toàn cảnh về các tác động kinh tế - xã hội của đại dịch COVID-19 đối với ngành may mặc và da giày ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tức thời của đại dịch, Báo cáo cũng sẽ chỉ ra những xu hướng điều chỉnh đang nổi lên trong chuỗi cung ứng toàn cầu, và những ngụ ý đối với các nhà máy cung cấp và người lao động tại Việt Nam. Chương cuối của Báo cáo sẽ đề xuất một cách tiếp cận phát triển bền vững mới trong chuỗi cung ứng hàng may mặc và da giày, cũng như một số khuyến nghị cụ thể cho các doanh nghiệp đầu mối, và chính phủ các quốc gia nhập khẩu.

5. Đường dẫn tham khảo bản Báo cáo đầy đủ: https://event2020.vietnamtextile.org.vn/images/upload/event/-dai-hoi-VI-HNTK-2020/Tai-lieu/Covid19_AFS-research-report-Vi.pdf

6. Đường dẫn tham khảo bản Báo cáo đầy đủ: <https://event2020.vietnamtextile.org.vn/Pages/PostDetail.aspx?p=2181&i=6432>

7. Nhóm công tác PPP WG được thành lập vào tháng 1/2016, có các thành viên là các cơ quan chính phủ, như Bộ Công thương; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội; các hiệp hội doanh nghiệp bao gồm Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội Da giày Việt Nam; Hiệp hội Bông sợi Việt Nam; các nhãn hàng thời trang và các tổ chức quốc tế như IDH, FWF, CNV International, CARE Vietnam, v.v...

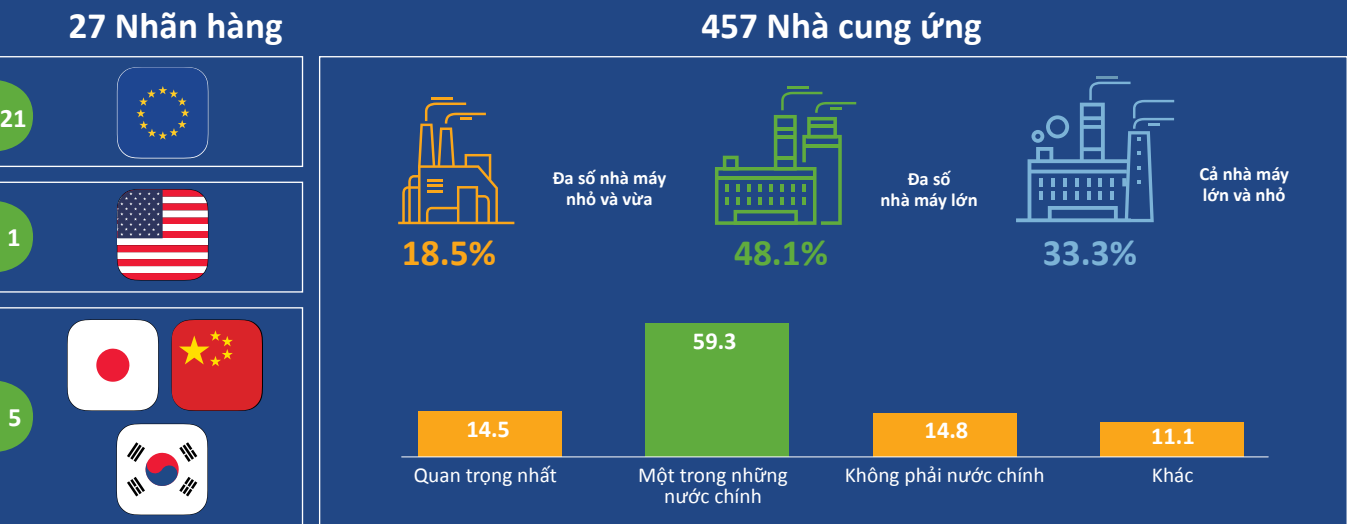
Hình 1. Khảo sát nhà cung ứng



Bảng 2. Khảo sát người lao động (n=1280)

Các đặc điểm mẫu khảo sát		Số người (N = 1,280)	Tỷ lệ (%)
Ngành	Đồ may mặc	698	54.5
	Da giày	582	45.5
Tình trạng việc làm (Tính đến tháng 8/2020)	Đang làm việc trong hai ngành trên	698	54.5
	Đã mất việc trong hai ngành trên	542	42.4
Giới	Nữ giới	877	68.5
	Nam giới	403	31.5
Đối tượng NLD	Lao động di cư	724	56.6
	Lao động địa phương	556	43.4

Hình 2. Khảo sát trực tuyến các nhãn hàng mua từ Việt Nam



CHƯƠNG 1

Cuộc chiến chống COVID-19 của Việt Nam



Việt Nam phải đối mặt với COVID-19 từ khá sớm – từ tháng 1 năm 2020, nhưng với các biện pháp nhanh chóng, Chính phủ Việt Nam đã kiểm soát hiệu quả được dịch bệnh.⁸ Tính tới cuối tháng 2 năm 2021, có hơn 2000 ca nhiễm và 35 ca tử vong.⁹ Các nhà máy không bị yêu cầu đóng cửa do dịch bệnh.¹⁰ Tuy nhiên, những cú sốc về kinh tế do dịch bệnh đã gây ảnh hưởng nặng nề lên cả nền kinh tế và người lao động: cú sốc đầu tiên là việc Việt Nam đóng cửa biên giới với Trung Quốc vào ngày 31 tháng 1 năm 2020, khiến cho khoảng 70% các nguồn cung nguyên liệu trong rất nhiều ngành nghề như may mặc, da giày và điện tử bị ngưng trệ.¹¹ Đồng thời, việc Trung Quốc phong tỏa cũng đồng nghĩa với việc nhu cầu đối với một số ngành công nghiệp như du lịch và khách sạn¹², chế biến gỗ và nội thất, và các sản phẩm nông nghiệp sụt giảm đáng kể. Trong những ngày đầu tháng 3 năm 2020, Việt Nam bước vào giai đoạn dịch bệnh thứ hai khi các quy định hạn chế tập trung nghiêm ngặt hơn được đưa ra, cùng với đó là một đợt giãn cách xã hội kéo dài 15 ngày trên toàn quốc¹³, khiến cho mức tiêu thụ nội địa với các ngành nghề và sản phẩm không thiết yếu giảm mạnh. Cũng vào khoảng giữa tháng 3 năm 2020, Hoa Kỳ và Châu Âu, hai thị trường xuất khẩu lớn nhất Việt Nam, áp dụng các biện pháp phong tỏa – khiến cho Việt Nam đối mặt với cú sốc kinh tế thứ ba. Cú sốc thứ ba này đã đưa đến những tác động kéo dài đối với các ngành nghề xuất khẩu mũi nhọn tại Việt Nam, thậm chí tới cả thời điểm báo cáo này được xây dựng.

Các tác động kinh tế

Năm 2020 là năm Việt Nam có mức tăng trưởng GDP thấp nhất trong thập kỷ qua, tuy nhiên vẫn nằm trong nhóm các nước đứng đầu so với các nền kinh tế khác ở châu Á.¹⁴ Hình 3 cho thấy nền kinh tế đã sụt giảm sâu trong Quý 2 và hồi phục dần về phía cuối năm, tạo thành đường chữ V trên biểu đồ.

8. Vui lòng truy cập đường dẫn dưới đây để tham khảo thêm về các biện pháp kiểm soát COVID-19 của Việt Nam: <https://www.theguardian.com/commentisfree/2020/oct/20/vietnam-covid-economic-growth-public-health-coronavirus>

9. <https://www.google.com/search?q=covid+statistics&oq=covid+statistics&aqs=chrome..69i57j0l3j0i22i30i395j69i60i3.4095j1j4&sourceid=chrome&ie=UTF-8>

10. Chỉ có duy nhất một ngoại lệ là một nhà máy ở Thành phố Hồ Chí Minh bị đóng cửa, do có số lượng NLD lớn có thể dẫn đến nguy cơ lây nhiễm cao

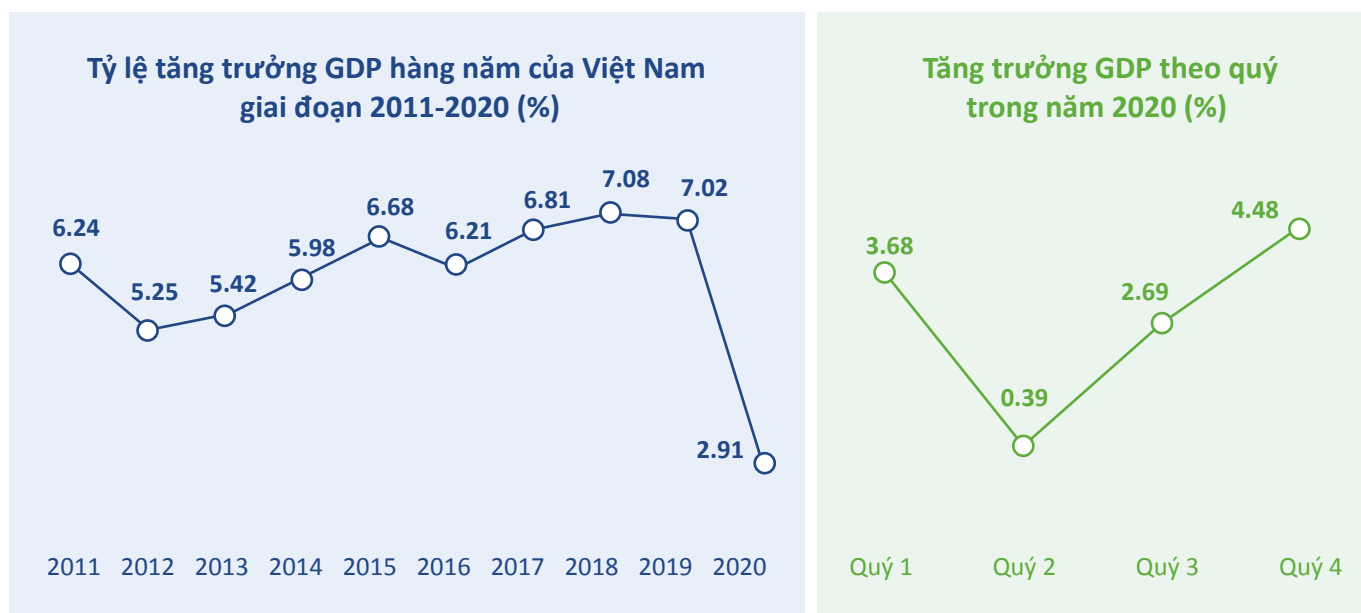
11. <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-kinh-te/ung-pho-nhung-thach-thuc-moi-453088/>

12. Khách du lịch Trung Quốc chiếm tới 30% lượng khách du lịch nội địa Việt Nam (GSO 2017)

13. Từ 1 tới 15 tháng 4 năm 2020

14. CNBC ca ngợi Việt Nam là nền kinh tế hàng đầu Châu Á trong dịch bệnh: <https://www.cnbc.com/2021/01/28/vietnam-is-asias-top-performing-economy-in-2020-amid-covid-pandemic.html>

Hình 3: Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2011-2020, và tăng trưởng GDP theo quý trong năm 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020)

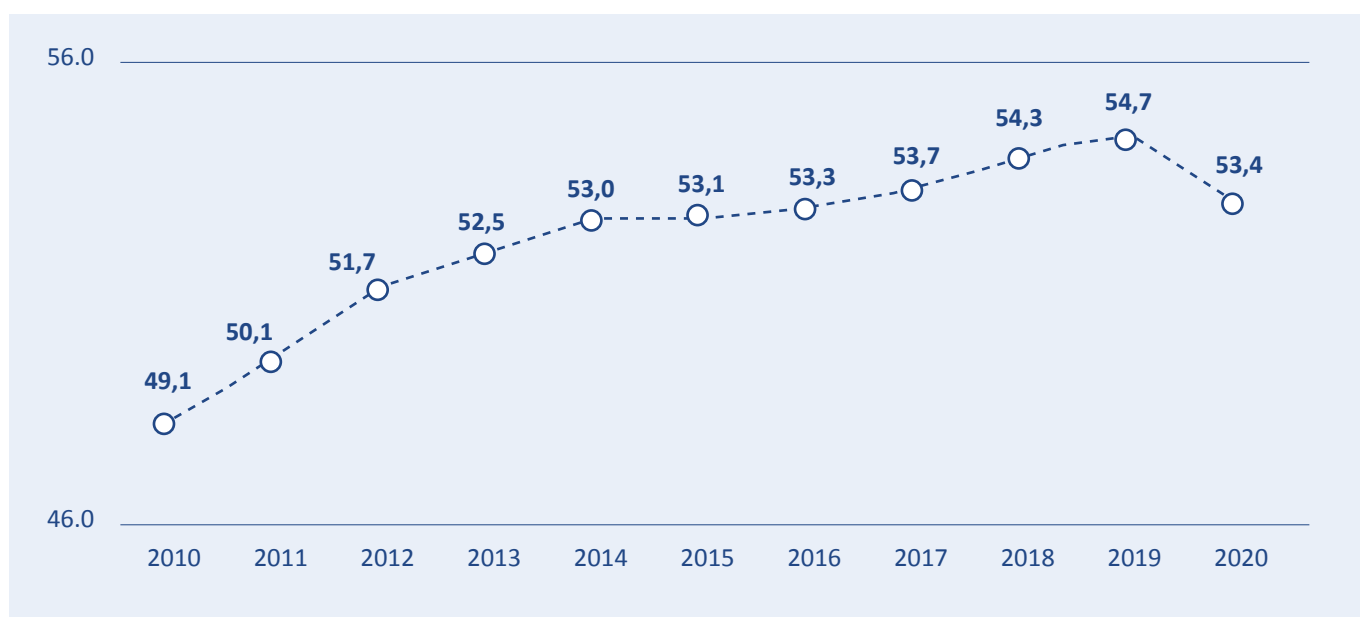
Tuy nhiên, đằng sau bức tranh tươi sáng này, hơn 60 nghìn doanh nghiệp – phần lớn là DNNVV đã phải tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa. Con số này tăng 13.9% so với năm 2019 (TCTK, 2020). Các ngành công nghiệp xuất khẩu vốn là ngành dẫn đầu tăng trưởng kinh tế, với mức tăng 6.5% qua mỗi năm; nhưng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) mới là khu vực chiếm tỷ trọng lớn với các sản phẩm xuất khẩu quan trọng, bao gồm 98% giá trị xuất khẩu trong sản xuất điện thoại và phụ kiện điện thoại, 97% trong ngành điện tử, 86% trong ngành máy móc, 79% trong ngành da giày và 60% trong ngành may mặc (TCTK 2020). Nhờ có cuộc chiến tranh thương mại Trung Quốc – Hoa Kỳ và lợi thế địa lý gần kề Trung Quốc, xuất khẩu của Việt Nam tới hai thị trường này tăng đột biến, với mức tăng 24.5% tới thị trường Hoa Kỳ và 17.1% tới thị trường Trung Quốc, mặc dù xuất khẩu tới các thị trường khác trong năm 2020 đều thu hẹp.

32 triệu
NLĐ bị ảnh hưởng
1.3 triệu
việc làm bị mất

Các tác động tới thị trường lao động

Tới cuối năm 2020, đại dịch đã tác động tiêu cực tới 32 triệu NLĐ – tương đương 60% tổng lực lượng lao động; trong số này, 69.2% bị giảm thu nhập và 14% hoặc phải dừng việc không lương hoặc mất việc (TCTK 2020b). Tổng số 1.3 triệu người được ghi nhận trở nên thất nghiệp, trong đó có 51.6% là phụ nữ (Hình 4).

Hình 4: Lực lượng lao động Việt Nam, 2010-2020 (triệu người)



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020b)

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị tăng lên 3.68% - mức tăng cao nhất trong một thập kỷ qua. Đại dịch cũng đảo ngược xu hướng giảm việc làm phi chính thức trong suốt thập kỷ qua, do – so với năm 2019, có thêm 119 ngàn NLĐ chuyển sang làm các công việc phi chính thức vào năm 2020. Thu nhập trung bình của NLĐ giảm 2.3%, còn 5.500.000 đồng/tháng.

Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động của Chính phủ

Tháng 4 năm 2020, Chính phủ đưa ra gói cứu trợ 2,7 tỷ đô-la, dưới cách hình thức như chuyển tiền mặt cho người lao động bị tạm dừng việc, lao động tự thân và hộ nghèo, cũng như các khoản vay ưu đãi và miễn thuế cho các doanh nghiệp. Tính đến cuối tháng 9 năm 2020, gói cứu trợ đã đến tay được 12.5 triệu người, chủ yếu là lao động tự do, và 23.5 nghìn doanh nghiệp hộ gia đình. Tỷ lệ người lao động làm công ăn lương và doanh nghiệp hưởng lợi từ gói cứu trợ này vẫn rất hạn chế. Tính đến cuối tháng 11 năm 2020, tiền mặt được chuyển tới 16000 NLĐ cho những ngày nghỉ không được trả lương (trên tổng số mục tiêu ban đầu là 1 triệu NLĐ), và chỉ có 60 doanh nghiệp được nhận các khoản vay không tính lãi để trả lương cho 2400NLĐ.¹⁵

15. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2020-11-21/gan-2400-lao-dong-bi-ngung-viec-duoc-ho-tro-tu-goi-16000-ty-dong-95618.aspx>

Hình 5: Các chương trình hỗ trợ trong COVID-19

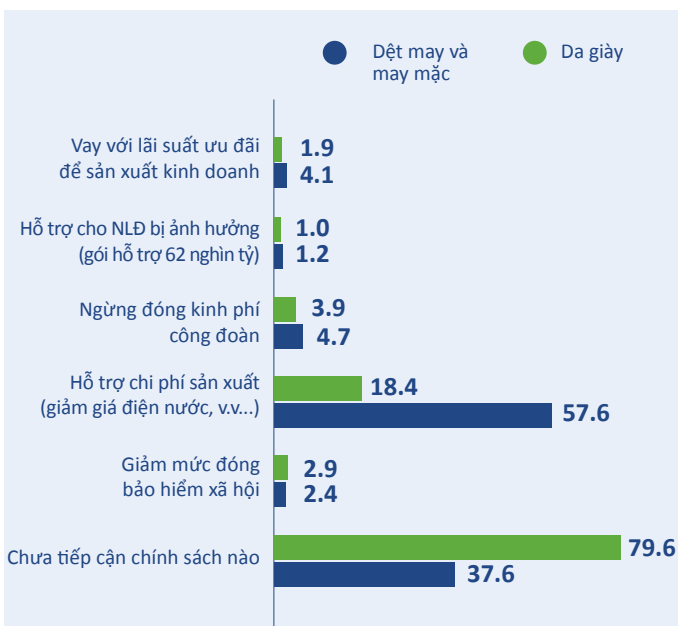


Trong khảo sát với các nhà cung cấp, gần 80% các doanh nghiệp da giày và may mặc vẫn chưa tiếp cận được với các chương trình hỗ trợ của nhà nước (Hình 6). Lý do chính là bởi vì các tiêu chí đưa ra để được hỗ trợ quá cao (Hình 7). Ví dụ, để được nhận các khoản vay không tính lãi, các doanh nghiệp phải chứng minh rằng trong quý 1 năm 2020 doanh nghiệp không có doanh thu.¹⁶ Tính đến cuối tháng 8 năm 2020, chỉ có 5.3% số NLĐ bị dừng việc tạm thời hoặc mất việc được nhận tiền hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ của nhà nước.

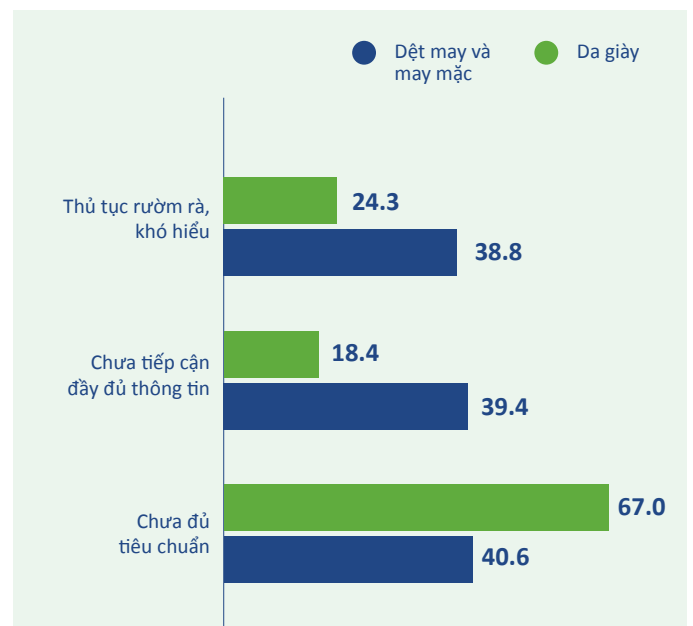
16. <https://tuoitre.vn/thu-tuong-ban-hanh-quyet-dinh-ve-goi-ho-tro-62-000-ti-dong-20200425193449618.htm>



Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ của Nhà nước (%)



Hình 7: Nguyên nhân khó tiếp cận (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

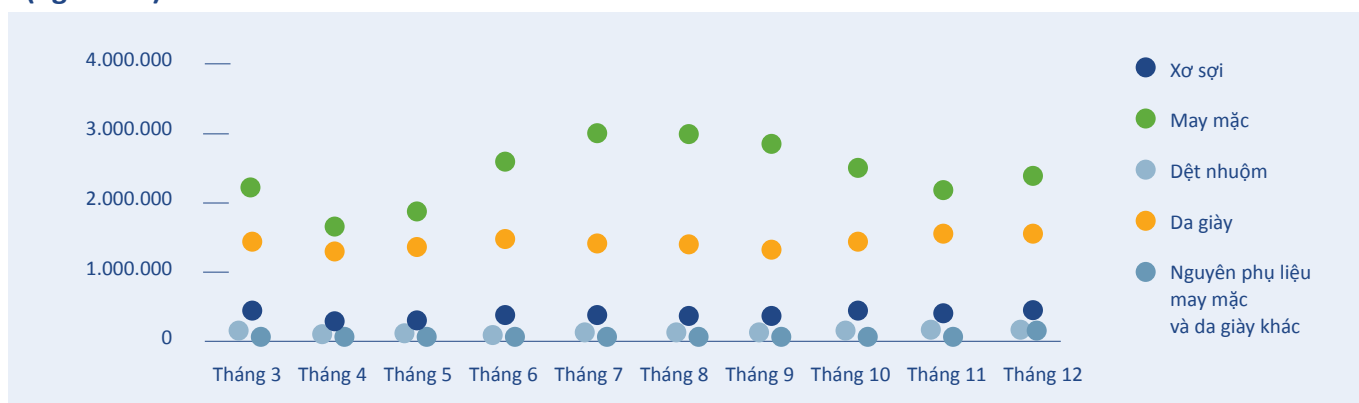
CHƯƠNG 2

Áp lực chi phí trái chiều và sự phân hóa trong chuỗi cung ứng

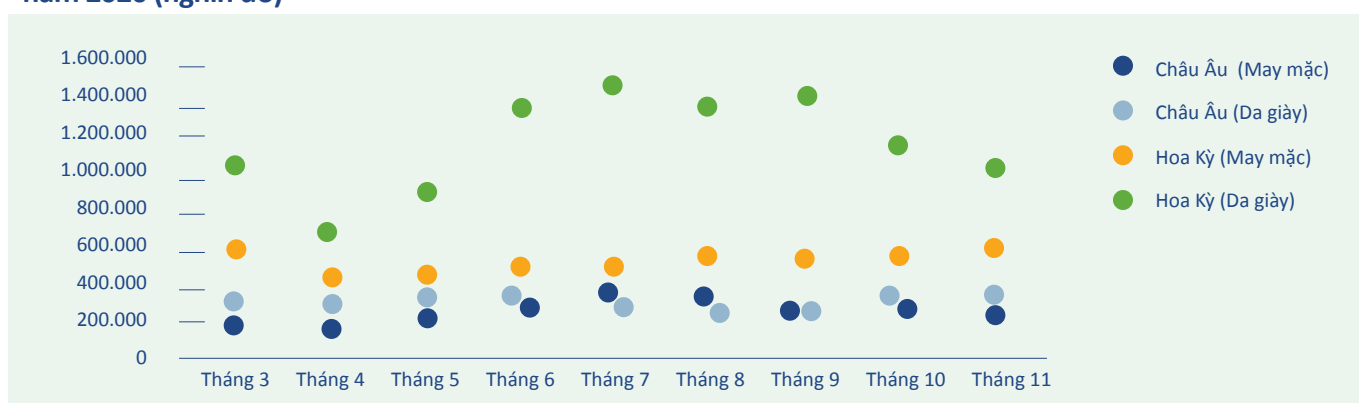
Quá trình phục hồi chậm và không đồng đều

Cả hai ngành may mặc và da giày trong năm 2020 đều trải qua những giai đoạn hoạt động suy giảm: tổng giá trị xuất khẩu ở hai ngành giảm lần lượt là 10.2% và 9.6% (TCTK, 2020a). Tính đến cuối năm 2020, trừ ngành may mặc, mức xuất khẩu của các sản phẩm khác như sợi, vải và giày dép vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi (Hình 8).

Hình 8: Giá trị xuất khẩu theo tháng các sản phẩm may mặc và da giày, tháng 3-tháng 12 năm 2020 (nghìn đô)



Hình 9: Giá trị xuất khẩu theo tháng các sản phẩm may mặc và da giày tới EU và Hoa Kỳ, tháng 3-tháng 11 năm 2020 (nghìn đô)



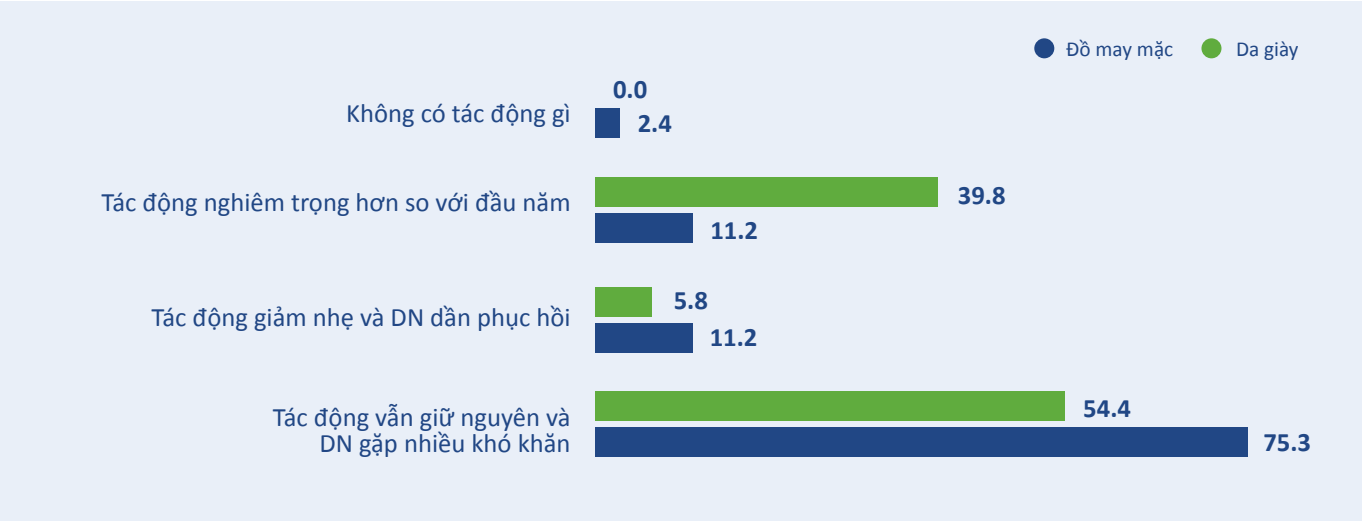
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020)

Kể từ tháng 6 năm 2020, ngành hàng xuất khẩu hàng may mặc dần phục hồi, chủ yếu đến từ lượng xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ (Hình 9). Theo các nhà sản xuất hàng may mặc tham gia phỏng vấn, sự phục hồi này có được là do các nhãn hàng quốc tế chuyển đơn đặt hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do cuộc chiến tranh thương mại Trung Quốc - Hoa Kỳ. Nói cách khác, phần lớn ngành may mặc và da giày vẫn còn chìm trong khó khăn và chưa

thể thấy được sự phục hồi toàn diện. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), 70% nhà sản xuất hàng may mặc đã giãn ca và cho lao động nghỉ việc vào tháng 3 năm 2020; con số này tăng thêm 10% vào tháng 4 và tháng 5.¹⁷ Vào tháng 7 năm 2020, VITAS cho biết các nhà máy mở lại chỉ hoạt động ở mức 50-60% công suất, và khoảng 500.000 đến 600.000 công nhân vẫn đang tạm nghỉ.¹⁸

Kết quả khảo sát của chúng tôi vào tháng 9 năm 2020 cũng cho thấy đầy đủ xu hướng này: 75.3% doanh nghiệp may mặc và 54.4% doanh nghiệp da giày cho biết các tác động của đại dịch vẫn không giảm bớt, và họ vẫn gặp phải nhiều khó khăn; đặc biệt có tới gần 40% các doanh nghiệp da giày cho rằng các tác động của đại dịch giờ đây còn nặng nề hơn so với thời điểm nửa đầu năm (Hình 10). Chỉ có một số 11.2% doanh nghiệp may mặc và 5.8% doanh nghiệp da giày, chủ yếu là các doanh nghiệp lớn, cho biết đã có dấu hiệu hồi phục.

Hình 10: Các tác động trực tiếp của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp may mặc và da giày (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

Những xu hướng mua hàng mới xuất hiện trong chuỗi cung ứng toàn cầu

Tác động nổi bật nhất của đại dịch tới các nhãn hàng thời trang chính là việc các nhãn hàng này ngay lập tức chuyển sang hình thức bán hàng trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy, hơn một nửa số nhãn hàng với nguồn cung ứng từ Việt Nam đã lựa chọn đẩy mạnh bán hàng trực tuyến (Hình 11). Việc hình thức bán hàng trực tuyến gia tăng nghĩa là quy mô

17. Nguyen, Jason and Quan Le. 2020. “Vietnam’s Textile and Garment Industry Hit Hard By COVID-19.” East Asia Forum, 19 May
18. ILO. 2020. The supply chain ripple effect: How COVID-19 is affecting garment workers and factories in Asia and the Pacific. Research Brief (Link: https://www.ilo.org/asia/publications/issue-briefs/WCMS_758626/lang--en/index.htm)

đơn hàng trở nên nhỏ hơn, trong khi thời gian giao hàng được rút ngắn, với các yêu cầu cá nhân hóa cao hơn, như cần nhiều kích cỡ khác nhau. Theo các nhà máy giày dép và quần áo được phỏng vấn, thời gian cần thiết để hoàn thiện sản phẩm đã giảm trung bình 30% kể từ khi bắt đầu đại dịch. Hơn nữa, bán hàng trực tuyến yêu cầu kiểm soát chất lượng chặt chẽ hơn để đảm bảo sự hài lòng của người tiêu dùng và giảm thiểu việc sản phẩm bị trả lại. Do đó, các nhà cung cấp phải linh hoạt hơn trong việc sắp xếp dây chuyền sản xuất để xử lý cả các đơn hàng nhỏ hơn và lớn hơn, trong khi áp lực giảm tỷ lệ lỗi đối với quản lý chuyền, cán bộ chất lượng và công nhân sản xuất trực tiếp ngày càng tăng.

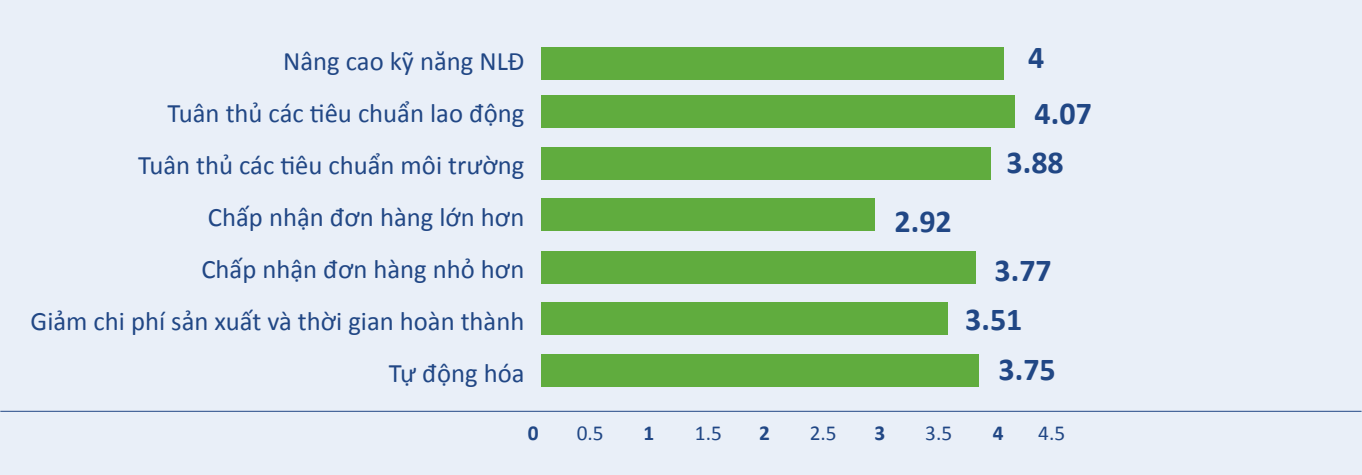
Hình 11: Xu hướng điều chỉnh của các nhãn hàng thời trang trong COVID-19



Cùng với những điều chỉnh trên, các nhãn hàng được khảo sát cũng mong đợi các nhà cung cấp hiện tại và các nhà cung cấp trong tương lai đầu tư vào tự động hóa, nâng cao kỹ năng người lao động, giảm thiểu chi phí sản xuất, rút ngắn thời gian sản xuất và chấp nhận các đơn đặt hàng nhỏ hơn (Hình 12). Những điều chỉnh này chủ yếu nhằm mục tiêu nâng hiệu quả cao hơn và giảm chi phí sản xuất. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về các thực hành bền vững trong chuỗi cung ứng từ người tiêu dùng và chính phủ,¹⁹ các nhãn hàng nhấn mạnh vào việc nhà cung cấp tuân thủ các tiêu chuẩn lao động (4.07/5) và môi trường (3.88/5).

19. Nhiều quốc gia đã hợp pháp hóa trách nhiệm giải trình nhân quyền trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Xu hướng này bắt đầu vào năm 2012 với Đạo luật về sự minh bạch trong chuỗi cung ứng của California ở Mỹ; sau đó vào năm 2015 với Đạo luật về nô lệ hiện đại của Anh và một Đạo luật tương tự được quy định tại Úc vào năm 2019; và Luật Nghĩa vụ cảnh giác được chính phủ Pháp thông qua vào năm 2017. Hiện tại, Đức và Nghị viện châu Âu đều đang thảo luận về các nghĩa vụ đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường và lao động trong chuỗi cung ứng, có thể được thông qua vào năm 2021.

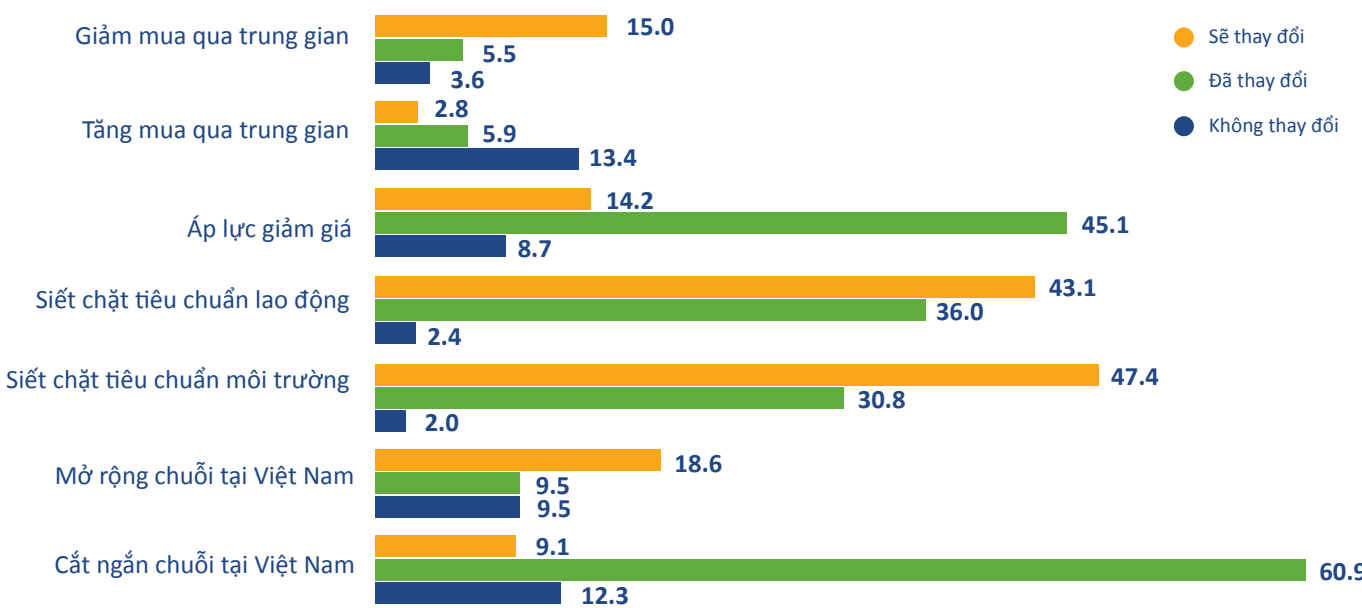
Hình 12: Các nhãn hàng mong muốn nhà cung cấp của mình điều chỉnh những gì? (Xếp hạng mức độ quan trọng từ 1-5)



Nguồn: Khảo sát trực tuyến các nhãn hàng thời trang có nguồn cung từ Việt Nam

Theo các nhà cung cấp được khảo sát, những thay đổi nói trên trong các thực tiễn sản xuất cho nhãn hàng cũng đã được chuỗi cung ứng biết đến và ứng dụng. Theo 60.9% các nhà cung cấp được khảo sát, mức độ cạnh tranh giữa các nhà máy cung ứng tăng lên do các nhãn hàng thu hẹp chuỗi cung ứng của mình (Hình 13).

Hình 13: Các thay đổi trong chính sách của người mua, theo quan điểm của các nhà cung cấp (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

Áp lực giảm giá thành cũng gia tăng đáng kể từ đầu năm 2020 đối với hơn một nửa số nhà cung cấp được phỏng vấn. Khảo sát chuỗi cung ứng các ngành may mặc, da giày và điện tử vào tháng 6 năm 2020 cho thấy gần 30% số nhà cung cấp được bên mua yêu cầu giảm giá thành lên tới 70% cho các đơn hàng đã đang sản xuất (FES Asia, 2020). Giá nhập khẩu các mặt hàng may mặc tới Hoa Kỳ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, đã giảm 13% trong vòng 9 tháng năm 2020 (Odexa 2020). Trong thời gian ngắn, các yêu cầu về chuỗi cung ứng bền vững (như các tiêu chuẩn lao động và môi trường) đã tăng rõ rệt đối với 30% các nhà cung cấp trong 9 tháng đầu năm 2020, và dự kiến tiếp tục tăng trong vòng 1-3 năm tới cho hơn 40% các doanh nghiệp.

Những xu hướng mua hàng mới đang xuất hiện trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Khi các chuỗi cung ứng được rút ngắn lại và đa dạng hóa, sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp trở nên gay gắt hơn. Các nhà cung cấp sẽ phải chấp nhận giá thành thấp hơn, các đơn hàng nhỏ hơn, và thời gian hoàn thiện sản phẩm ngắn hơn trong khi các áp lực tuân thủ các điều kiện lao động và môi trường tăng cao hơn bao giờ hết. Những thay đổi này đã tạo ra những áp lực trái chiều lên các nhà cung cấp: một mặt, họ buộc phải cắt giảm chi phí và tăng hiệu suất; mặt khác lại phải tăng đầu tư vào tự động hóa, năng lượng xanh, công nghệ mới, xử lý rác thải, tuân thủ các điều kiện lao động và chi trả cho các chi phí kiểm toán xã hội. Trong phần lớn các trường hợp, chi phí tuân thủ này do các nhà cung cấp tự chi trả. Theo một khảo sát do Better Buying thực hiện, chỉ có 36.2% các nhà cung cấp may mặc trên thế giới cho biết rằng giá thành các đơn hàng được tính cộng cả các chi phí tuân thủ (Better Buying 2020). Bằng chứng từ nghiên cứu gần đây cũng cho thấy rằng việc thiếu hụt sự liên kết giữa các thực hành mua hàng và giám sát tuân thủ đồng nghĩa với việc các nhà cung cấp có mức độ tuân thủ cao hơn có thể sẽ không nhận được nhiều đơn hàng hơn, và dần dần sẽ mất đi động lực cải thiện tuân thủ trong doanh nghiệp mình (Amengual et al. 2019; Anner 2012).²⁰

Áp lực chi phí trái chiều lên nhà cung ứng



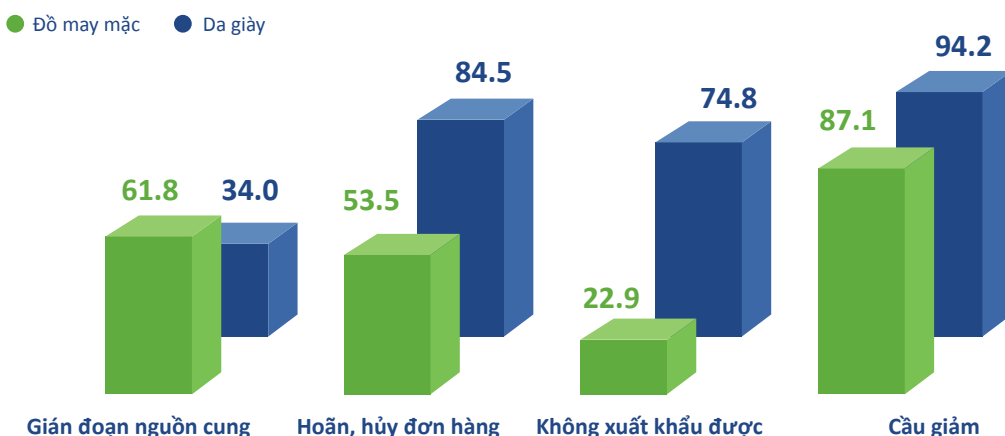
20. Amengual M, Distelhorst G, Tobin D. Global Purchasing as Labor Regulation: The Missing Middle. ILR Review. 2020;73(4):817-840. doi:10.1177/0019793919894240

Anner, Mark . 2012. Corporate social responsibility and freedom of association rights. Politics & Society 40(4): 609-44

Bền bỉ để đi tiếp chấp nhận mất trắng? Cách ứng phó của các doanh nghiệp Việt Nam

Ngành da giày phải chịu những tổn thất nặng nề hơn ngành may mặc trước đại dịch: khoảng 84.5% các doanh nghiệp da giày có đơn hàng bị hoãn hủy, và 74.8% không thể xuất khẩu hàng, trong khi hai tỷ lệ này ở ngành may mặc lần lượt là 53.5% và 22.9% (Hình 14).

Hình 14: Các tác động của đại dịch COVID-19 tới các doanh nghiệp may mặc và da giày Việt Nam (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

Ngay cả khi các đơn hàng không bị hủy, nhà cung cấp vẫn phải đối mặt với tình trạng đơn hàng bị hoãn vận chuyển và thanh toán chậm trễ. Có tới 50% các nhà cung cấp cho biết các nhà hàng thanh toán chậm hơn, và 16.6% các nhà máy vẫn chưa nhận được đủ khoản bồi thường cho các đơn hàng bị hủy. Đối với nhiều doanh nghiệp, khả năng được đền bù là rất thấp do các hợp đồng họ ký với bên mua không mô tả rõ các trách nhiệm của bên mua khi hủy đơn. Theo các nhà cung cấp, các DNNVV thường không có vị trí ngang hàng khi đàm phán với bên mua, và thường phải chấp nhận các điều khoản và điều kiện bên mua áp đặt.

Là doanh nghiệp lớn, chúng tôi có bộ phận pháp chế và có khả năng đàm phán các điều khoản chia sẻ rủi ro trong những trường hợp bất khả kháng. Nhưng với các doanh nghiệp nhỏ hơn, bên mua thường đưa ra các hợp đồng định sẵn mà các doanh nghiệp không hiểu hết và không thể đàm phán được với bên mua... khi bên mua hủy đơn hàng do COVID-19, họ không có cơ sở để yêu cầu bên mua bồi thường.

– Phó Chủ tịch một công ty sản xuất da giày –

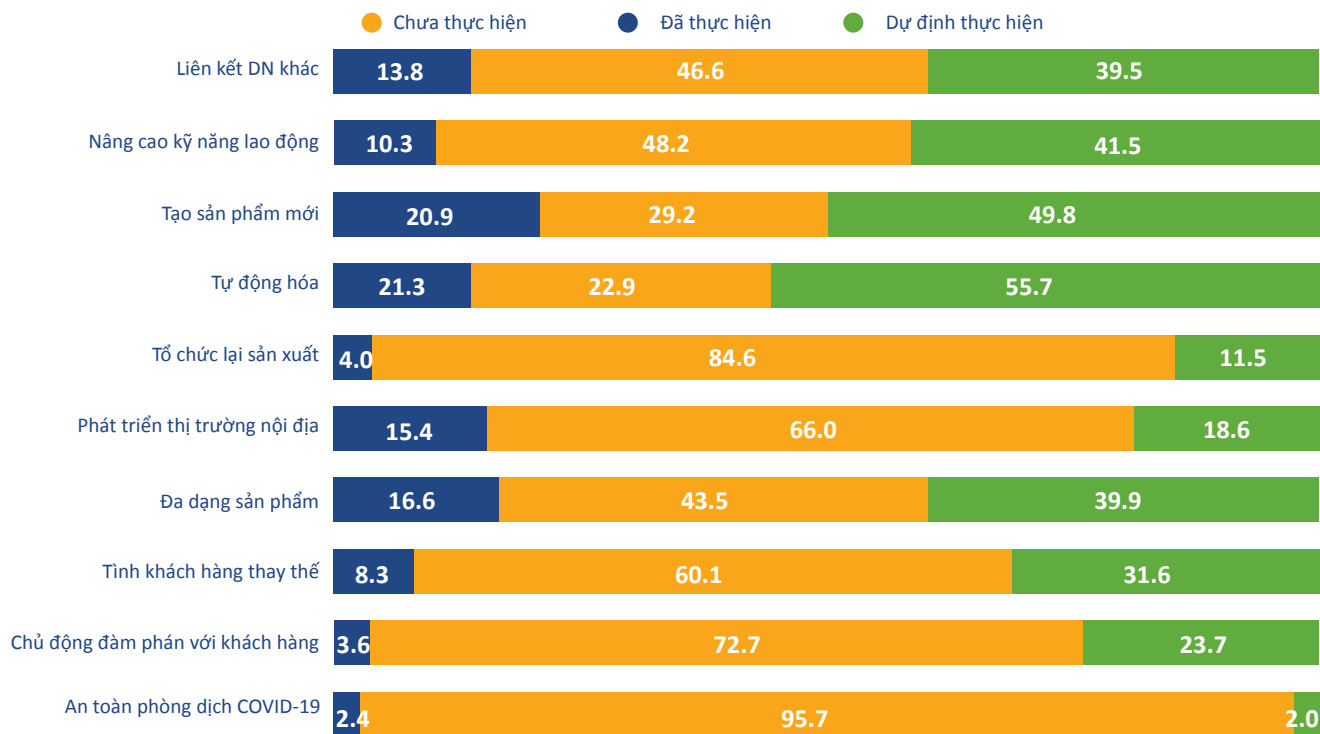
Việc đơn hàng bị giao chậm cũng gây ra những rủi ro lớn cho các nhà máy, do phải trả thêm các chi phí lưu kho và sản phẩm bị hư hỏng.

‘Các sản phẩm đã hoàn thiện không giao được, và hiện được lưu trong kho khiến chúng tôi phải trả thêm tiền lưu kho rất lớn. Thời tiết và nhiệt độ ẩm như hiện nay cũng sẽ khiến lớp keo bong ra chỉ trong mấy tháng. Vậy là thành mất toàn bộ đơn hàng.’

Phó Giám đốc một công ty da giày Đài Loan tại Bình Dương

Ngược lại, các doanh nghiệp may mặc và da giày đã cho thấy sự bền bỉ của mình thông qua đàm phán với bên mua nhằm giảm tổn thất, chuyển sang tập trung vào thị trường trong nước, và tối thiểu hóa chi phí vận hành. Đặc biệt, đại dịch cũng không ngăn cản nhiều doanh nghiệp lập kế hoạch nâng cấp chiến lược: trong vòng 3 năm tới, 55.7% các nhà cung cấp sẽ đầu tư thêm vào tự động hóa, 49.8% có kế hoạch xây dựng sản phẩm mới, và 41.5% đầu tư nâng cao tay nghề NLĐ (Hình 15). Đặc biệt, đại dịch COVID-19 đã làm tăng nhu cầu xây dựng các liên kết thượng nguồn trong nước (với 46.6% các doanh nghiệp khảo sát đã xây dựng và 39.% có kế hoạch xây dựng trong vòng 3 năm tới).

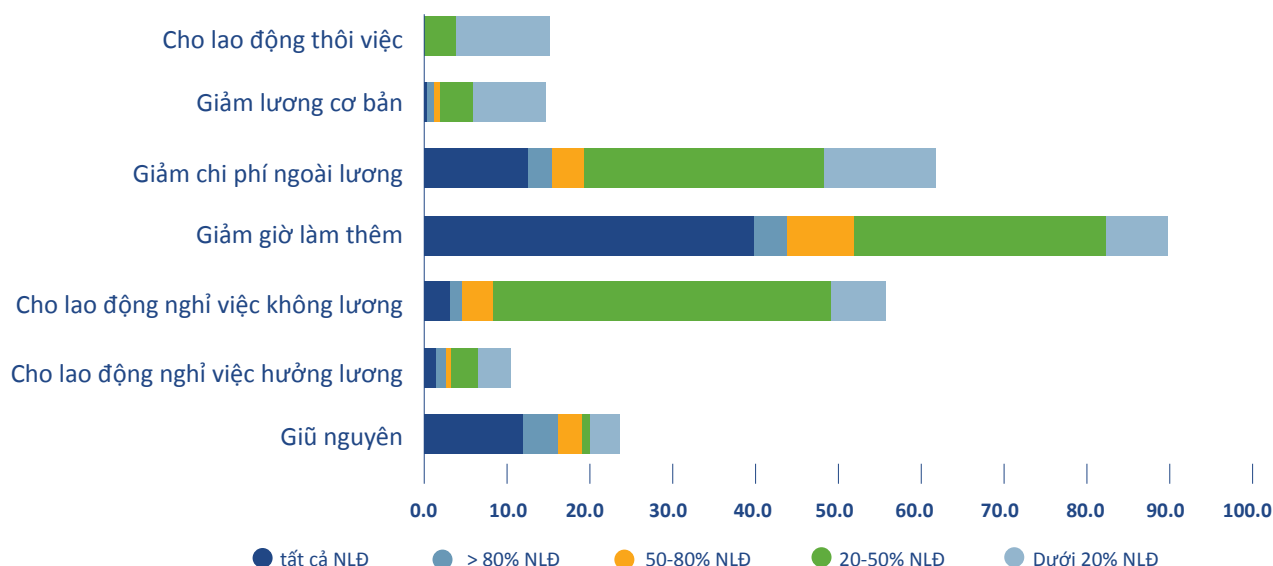
Hình 15: Phản ứng của các doanh nghiệp, hiện nay và trong tương lai (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

Tuy nhiên, đại đa số các doanh nghiệp được khảo sát đã phải cắt giảm chi phí lao động: 90% giảm thời gian làm thêm giờ, 62% cắt giảm phụ cấp và thưởng, 55,8% cho NLĐ nghỉ việc không lương và 15% các doanh nghiệp đã sa thải tới 20% tổng số NLĐ trong doanh nghiệp của mình (Hình 16). Các tác động đến lao động có xu hướng giảm dần trong quý 1 năm 2021 do các doanh nghiệp được khảo sát có kế hoạch hạn chế các biện pháp cắt giảm chi phí lao động, đặc biệt là dừng việc không lương và sa thải; tuy nhiên, 85% nhà máy sẽ tiếp tục giảm thiểu thời gian làm thêm giờ. Phần trình bày tiếp theo sẽ cho thấy rõ thực tế rằng, nếu không được trả lương làm thêm giờ - vốn thường chiếm 22-33% thu nhập, NLĐ có nguy cơ rơi vào đói nghèo mặc dù vẫn giữ được việc làm.

Hình 16: Các biện pháp cắt giảm lao động do doanh nghiệp áp dụng trong 9 tháng đầu năm 2020 (%)



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp (n=253)

Đại dịch đã đẩy nhanh tốc độ phân hóa ngành công nghiệp thời trang.

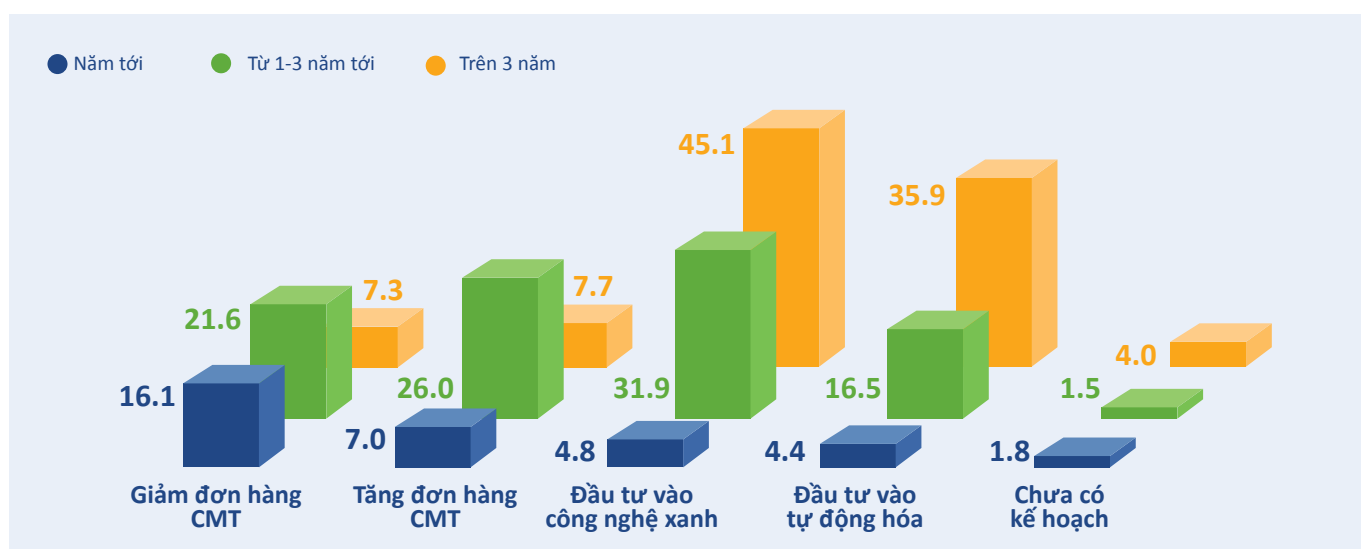
Người tiêu dùng có mức sống cao đã chuyển sang các nhãn hiệu chất lượng cao và bền vững, còn người tiêu dùng chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch sẽ lựa chọn phân khúc thời trang giá rẻ mà không quan tâm tới danh tiếng của nhãn hàng về sản xuất bền vững.

Đại dịch khiến cho khoảng cách giữa người giàu và người nghèo tăng lên rất nhanh. Người giàu chuyển sang các nhãn hàng chất lượng cao, có yếu tố phát triển bền vững; còn người nghèo thường mua hàng của các nhãn hàng có giảm giá. Các doanh nghiệp thời trang giá rẻ sẽ có tác động lớn hơn trong tương lai, là lĩnh vực làm ăn lớn... cũng có nghĩa là trong chuỗi cung ứng sẽ diễn ra vấn đề ép giá trầm trọng. Đây sẽ là một thảm họa lớn!

-Giám đốc Bộ phận mua sắm toàn cầu của một nhãn hàng thể thao châu Âu -

Xu hướng này sẽ dần khiến sự phân hóa giữa các nhà cung cấp trở nên lớn hơn. Các nhà máy lớn có quan hệ lâu dài với các nhãn hàng và các nguồn lực (tài chính) dồi dào hơn sẽ có nhiều khả năng duy trì hoạt động trong khủng hoảng hơn, đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng tăng của nhãn hàng, và do đó, sau khủng hoảng sẽ nhận được nhiều đơn hàng hơn. Các nhà máy nhỏ, đặc biệt là các nhà máy bán hàng thông qua bên người bán thứ ba, sẽ đối mặt với việc các đơn hàng bị hủy nhiều và dần cạn kiệt khả năng tài chính. Do đó, hàng ngàn DNNVV buộc phải đóng cửa²¹ trong khi số còn lại không có đủ nguồn lực để đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt hơn từ các nhãn hàng có phát triển bền vững. Những nhà máy này sẽ liên kết với những bên mua là nhãn hàng giá rẻ - vốn không quan tâm tới các tiêu chuẩn bền vững và ép giá sâu.

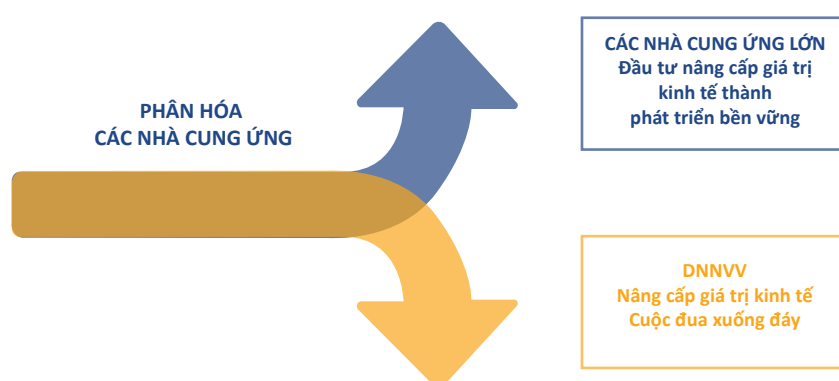
Hình 17: Những điều chỉnh trong tương lai của ngành may mặc và da giày (%)



Thật không may, sự phân hóa này giữa các nhà cung cấp đã nổi lên và được phản ánh rõ trong kết quả khảo sát: khi được hỏi về những điều chỉnh trong tương lai, 37% các doanh nghiệp dự định trong ba năm tới sẽ cắt giảm tỷ lệ sản xuất các đơn hàng CMT và tăng sản xuất các đơn hàng có điều khoản Freight on Board (FOB) hoặc đơn hàng ODM (Hình 17). Tuy nhiên, 33% nhà sản xuất sẽ quay lại sản xuất CMT trong khi giảm tỷ lệ sản xuất FOB/ODM. Những động thái này có thể được coi là 'làm suy thoái kinh tế' do các nhà sản xuất CMT giờ đây sẽ tham gia vào phân cấp giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi cung ứng. Như giám đốc một công ty may mặc có 250 công nhân tại Hà Nội giải thích, họ đơn giản là không có lựa chọn nào khả dĩ hơn:

21. Theo TCTK, trong năm 2020, có 5,572 doanh nghiệp sản xuất tạm dừng hoạt động, tăng 50% so với năm 2019.

Chúng tôi biết rõ sản xuất CMT cho lợi nhuận ít, nhưng để làm được FOB hay ODM cần đầu tư lớn và rủi ro tài chính lớn hơn. Mà đại dịch vẫn tiếp diễn, công ty sẽ vẫn còn khó khăn, nên cũng không còn cách nào ngoài làm CMT.



Nếu xu hướng này tiếp tục, như chương tiếp theo sẽ trình bày, khoảng gần một nửa lực lượng lao động trong hai ngành nói trên – chủ yếu là lao động nữ trong các DNNVV, sẽ mất việc hoặc buộc phải làm việc trong các điều kiện làm việc tệ hơn.

Các bài học kinh nghiệm

Đại dịch là một phép thử khó cho chuỗi cung ứng toàn cầu về việc nên và không nên làm gì để giúp chuỗi cung ứng ngành may mặc và da giày phát triển bền bỉ và bền vững hơn. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy ba bài học quan trọng:

Bài học 1: Đối thoại giữa nhãn hàng và các nhà cung cấp có ý nghĩa rất quan trọng

Mặc dù trong nhiều trường hợp, việc đơn hàng bị hoãn hủy là khó tránh khỏi, việc bên mua không thảo luận trước với các nhà cung cấp khiến cho các nhà máy mất thời gian chuẩn bị và tìm ra các giải pháp thay thế lâu hơn. Theo khảo sát do ITMF thực hiện với 600 giám đốc điều hành các công ty dệt may và may mặc toàn cầu, có tới 40% người mua trong chuỗi cung ứng may mặc không đưa ra các cảnh báo hay có thảo luận trước với bên sản xuất về việc hoãn hủy các đơn hàng (ITMF 2020). Khảo sát của chúng tôi cũng cho thấy rằng những thảo luận thường xuyên với người mua về các thực hành mua hàng và các cách thức chia sẻ rủi ro trong trường hợp có vấn đề phát sinh là nhu cầu cấp thiết mà hơn 60% các nhà máy được khảo sát mong muốn đối với bên mua. Ngược lại, chỉ có rất ít các nhà máy cho biết do có quan hệ đối tác chặt chẽ và thường xuyên đối thoại với bên mua, họ có thể sắp xếp phương án có lợi cho cả hai bên: như người mua đồng ý sẽ không hủy các đơn hàng đã ký và đảm bảo đặt số lượng đơn hàng đủ để duy trì nhà máy, còn các nhà sản xuất chấp nhận thanh toán chậm.

Người mua không thông báo trước với chúng tôi về khả năng sẽ hủy đơn hàng. Đến khi đơn hàng đã làm xong và chúng tôi thông báo sẵn sàng vận chuyển thì mới báo hủy. Đơn hàng thì lớn mà công ty còn phải trả lương công nhân, trả vay ngân hàng và tiền nguyên liệu. Và cũng quá muộn không thay đổi sản phẩm để bán cho các bên mua khác được.

-Chủ doanh nghiệp cung cấp da giày ở miền Nam Việt Nam

Chúng tôi có quan hệ rất tốt với nhãn hàng, và thường xuyên thảo luận trong thời gian dịch bệnh. Các nhãn hàng đặt số lượng đơn hàng đủ để chúng tôi giữ NLD, và chúng tôi chấp nhận chia sẻ khó khăn với nhãn hàng. Vậy nên không có đơn nào bị hủy!

Phó Giám đốc, Công ty Giày Thái Bình

Bài học 2: Nâng cao giá trị sản xuất phải đi đôi với phát triển bền vững

Khi phải đối mặt với các áp lực giá xung đột lẫn nhau, các nhà cung cấp sẽ có xu hướng gian lận để đối phó với kiểm toán xã hội, trừ khi họ có khả năng nâng cao giá trị sản xuất để có thể ít nhất duy trì biên lợi nhuận và các nguồn lực để đầu tư vào việc tuân thủ. Việc bên mua ép giá mà không có cách giúp nâng cao giá trị sản xuất sẽ chỉ khiến cho quyền của người lao động giảm đi (Anner 2020; Do 2020)²².

Hộp 1: Nâng cấp giá trị kinh tế được định nghĩa là quá trình các doanh nghiệp dịch chuyển từ các hoạt động có giá trị thấp sang các hoạt động có giá trị tương đối cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp có thể nâng cấp giá trị kinh tế thông qua 4 cách thức sau

- (i) Nâng cấp quá trình: áp dụng công nghệ và phương pháp mới nhằm cải thiện năng suất lao động và tăng giá trị sản phẩm, giảm thiểu lỗi sản xuất.
- (ii) Nâng cấp sản phẩm: sản xuất các mặt hàng có giá trị gia tăng cao hơn.
- (iii) Nâng cấp chức năng: đảm nhận những chức năng có giá trị cao trong chuỗi cung ứng, như: một doanh nghiệp trước đây chỉ lắp ráp và làm theo quy trình, giờ có thể thiết kế mẫu mã, xây dựng nguyên liệu riêng và có thể tạo nhãn hàng riêng.
- (iv) Nâng cấp ngành nghề: chuyển dịch từ ngành nghề giá trị thấp sang ngành nghề giá trị cao hơn

(Humphrey and Schmidt 2002)

Kinh nghiệm của các nhà máy may mặc và giày dép xoay sở để nâng cao giá trị sản xuất và phục hồi sau đại dịch chứng tỏ rằng ngoài khả năng phục hồi của chính các nhà máy, mối quan hệ đối tác lâu dài với những người mua cốt lõi là rất quan trọng. Quan hệ đối tác lâu dài ở đây có nghĩa là bên mua cung cấp hỗ trợ (kỹ thuật và tài chính) một cách nhất quán và lâu dài, để các nhà máy áp dụng công nghệ mới, nâng cao hiệu quả, hạ giá thành sản phẩm đồng thời tăng cường tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững. Điều đó cũng có nghĩa là bên mua

22. Anner, Mark. 2020. Squeezing workers' rights in global supply chains: purchasing practices in the Bangladesh garment export sector in comparative perspective, *Review of International Political Economy*, 27:2, 320-347
Do, Q. Chi. 2020. Social and Economic Upgrading in the Garment Supply Chain in Vietnam. IPE Working Paper No. 137/2020

Hộp 2: Quan hệ đối tác chặt chẽ giữa nhãn hàng và nhà cung cấp

Decathlon là nhãn hàng đồ thể thao của Pháp. Tại Việt Nam, Decathlon có khoảng 100 nhà cung cấp với hai công ty nội địa lớn là Công ty giày Thái Bình (Thai Binh Shoes) và Công ty may Thái Nguyên (TNG). Với nguyên tắc “đồng hành cùng nhà cung cấp”, Decathlon đã liên kết với nhà cung cấp của mình trong suốt 10 năm qua kể từ khi hai nhà cung cấp này còn ở quy mô nhỏ hơn nhiều. Decathlon cử các chuyên gia tới giúp họ cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm, chuyển đổi kỹ thuật số hệ thống quản lý nhà máy và hướng dẫn các thực hành lao động. Trong khủng hoảng, các nhà cung cấp chấp nhận giá thành thấp hơn và thanh toán chậm, còn Decathlon đảm bảo duy trì đơn hàng giúp họ giữ NLD.

(Phỏng vấn Decathlon, tại hai nhà máy Thai Binh Shoes và TNG, tháng 9-10 năm 2020)

và các nhà cung cấp đều đồng thuận chia sẻ rủi ro trong thời gian khủng hoảng. Như trong trường hợp của Decathlon với các nhà cung cấp Việt Nam, nhãn hàng này đã cùng cộng tác với các nhà cung cấp của họ trong suốt một thập kỷ và chia sẻ những khó khăn trong đại dịch. Nói cách khác, nền tảng cho sự bền vững trong chuỗi cung ứng phải là nâng cao giá trị sản xuất cho các nhà cung cấp đồng thời với các hỗ trợ tận lực của bên mua.

Bài học 3: Hỗ trợ các DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững

Trong ngành dệt – may mặc và da giày, các nhà sản xuất có số NLD dưới 1000 thường có ít cơ hội được sản xuất trực tiếp cho các nhãn hàng. Theo khảo sát do tổ chức Wage Indicator thực hiện năm 2018, các nhà cung cấp may mặc có ít hơn 1000 NLD bán trực tiếp cho 1.36 nhãn hàng, trong khi con số này ở 13 nhà sản xuất may mặc lớn nhất là 50 nhãn hàng. Trong khảo sát của chúng tôi, chỉ có 19% các nhãn hàng có nguồn cung trực tiếp từ các DNNVV ở Việt Nam nhiều hơn các nhà sản xuất lớn. Một giám đốc bộ phận mua sắm của một nhãn hàng châu Âu giải thích rằng:

Chúng tôi chỉ lấy nguồn cung trực tiếp từ các nhà máy có ít nhất 1000 NLD trở lên. Nói thật là các công ty nhỏ hơn không thể đáp ứng được các tiêu chuẩn về sản xuất, chất lượng và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp mà chúng tôi mong muốn.

Do đó, hơn 80% các công ty may mặc và giày dép ở Việt Nam có ít hơn 1.000 lao động, như vậy họ không đủ điều kiện sản xuất cho các nhãn hàng lớn, mất cơ hội và đòn bẩy để nâng cấp và cải thiện các hoạt động phát triển bền vững sẽ dẫn đến cuộc đua xuống đáy giữa các nhà máy. Nếu các DNNVV được tham gia vào các chuỗi cung ứng bền vững, sẽ mang lại lợi ích không chỉ cho địa phương mà cả các nhãn hàng quốc tế. Trong thập kỷ qua, Chính



Ảnh: ERC

phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách khuyến khích và chương trình hỗ trợ cho các DNNVV²³. Tuy nhiên, để các DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng cần có sự hỗ trợ tích cực và lâu dài từ các nhãn hàng quốc tế. Nghiên cứu của chúng tôi đã tìm thấy khá nhiều ví dụ về việc người mua quốc tế hỗ trợ thành công các doanh nghiệp vừa và nhỏ thành nhà cung cấp cốt lõi của họ bằng cách cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính (Hộp 3).

Hộp 3: Hỗ trợ DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng

HT – một doanh nghiệp may mặc Việt Nam ở Quảng Nam – một tỉnh miền trung Việt Nam, bắt đầu sản xuất cho một nhãn hiệu Nhật Bản từ năm 2008 khi công ty này chỉ có hơn 500 công nhân. Nhãn hàng này cử chuyên gia tới hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện quản lý, công nghệ và các tiêu chuẩn lao động. Doanh nghiệp cũng được vay ưu đãi từ nhãn hàng trong những giai đoạn khó khăn. Nhà máy này hiện đã phát triển cả về quy mô lao động (hơn 5,000 NLĐ) và năng lực sản xuất (sản xuất các đơn hàng ODM cho các nhãn hàng Nhật Bản và Hoa Kỳ).

23. In 2017, the Law on Supporting SMEs was passed by the National Assembly (Link: <https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/luat-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-2017-320905.aspx>)

CHƯƠNG 3

Người gánh chịu tổn thất: Các tác động đa chiều tới Người lao động

Như đã nói ở những chương trước mặc dù nhiều nhà máy may mặc và da giày hiện đang cố gắng chống chịu đại dịch, phần lớn các nhà máy đều đã buộc phải cắt giảm lương trả cho NLĐ, cho NLĐ tạm nghỉ việc và cả cho thôi việc. Theo khảo sát do FES Việt Nam và ERC thực hiện vào tháng 6 năm 2020, khoảng 70% các đơn vị xuất khẩu đồ may mặc và da giày đã phải cắt giảm chi phí lao động do trực tiếp bị ảnh hưởng từ việc các đơn hàng bị hoãn hủy, và thanh toán chậm (Do 2021: 21). Điều này có nghĩa là, các tác động của đại dịch đã ngấm dần từ các nhãn hàng xuống các nhà sản xuất, và tới NLĐ trực tiếp – giờ đây họ là người hứng chịu các tổn thất. Ngoài ra, các tác động kinh tế từ đại dịch cũng trở nên trầm trọng hơn do những vấn đề từ hệ thống đã tồn tại từ trước, và do đó, càng khắc sâu thêm vào những khó khăn NLĐ đang gặp phải.

‘Không biết bao giờ đến lượt tôi!’

"Chúng em chỉ có thể chắc chắn là ngày hôm nay còn đang đi làm, chứ không đoán được tương lai. Vì biết đâu ngày mai em có thể bị mất việc"

- Một lao động nữ trong ngành may mặc, Hải Dương-

Thiếu tham vấn với người lao động

Trong trường hợp tạm thời ngừng việc, dù được trả lương hay không, Bộ luật Lao động 2021 cũng yêu cầu có sự thống nhất của cả hai bên (Điều 32, Điều 98 và Điều 116). Điều này có nghĩa là NSDLĐ không chỉ cần tham vấn NLĐ, mà còn cần đảm bảo NLĐ đồng ý với quyết định tạm ngừng việc. Trong số 1,280 NLĐ tham gia khảo sát, 76% cho biết họ đã được NSDLĐ thông báo về tình hình khó khăn của doanh nghiệp; tuy nhiên chỉ có 20.2% NLĐ được biết về các biện pháp NSDLĐ sử dụng để cắt giảm lương và thay đổi cơ cấu nhân sự. Có 9/10 NLĐ cho biết không được biết về các tiêu chí lựa chọn để cắt giảm lao động. Mặc dù 75.5% NLĐ chấp nhận kế hoạch cắt giảm lao động mà NSDLĐ đưa ra, khoảng 41.5% cho biết họ không hài lòng với kế hoạch đó.²⁴ Các thông tin không minh bạch, và thiếu hụt quá trình tham vấn giữa NLĐ và NSDLĐ, dẫn đến việc làm không được bảo đảm chắc chắn.

24. Dưới 50 điểm, thang điểm 100

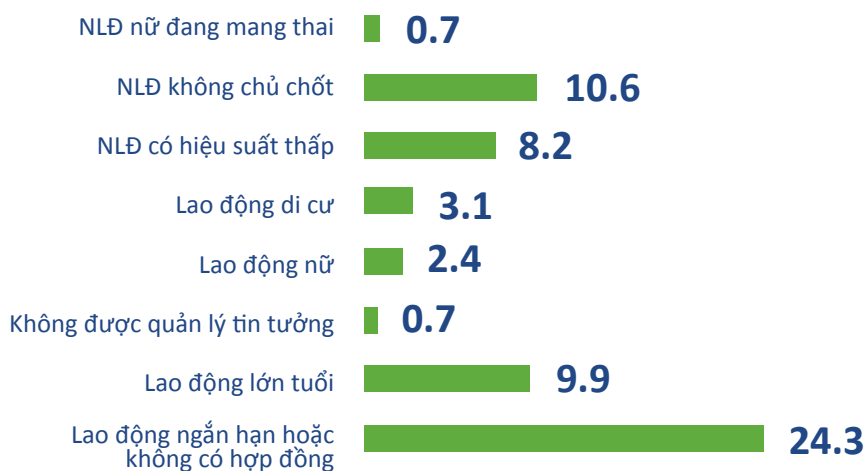
“Doanh nghiệp thường có ít đơn hàng trong khoảng từ tháng 4 tới tháng 6, nên tầm này năm ngoái họ cho NLĐ nghỉ việc. Năm nay thì có lí do là COVID-19. Công nhân nữ có con nhỏ hoặc có thai thường bị cho nghỉ hơn vì lúc đi làm thì hay xin nghỉ”
– Một lao động nữ đang tạm nghỉ việc ở Bắc Giang

Đối thoại hiện nay vẫn chưa được coi là một hoạt động phổ biến trong doanh nghiệp. Nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho thấy 63.4% NSDLĐ được khảo sát thường lựa chọn cách đơn phương áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí lao động, và chỉ có 20% có tham vấn với NLĐ trong doanh nghiệp mình (ILO Việt Nam 2020). Một trong những lý do khiến đối thoại xã hội không được thực hành trong giai đoạn khủng hoảng là do chính NSDLĐ cũng chưa coi trọng văn hóa đối thoại xã hội. Không may là, việc không tổ chức đối thoại với NLĐ và các đại diện của NLĐ đã tạo đà cho hàng trăm cuộc đình công tự phát diễn ra²⁵, đáng chú ý nhất là cuộc đình công của 10.000 NLĐ tại nhà máy da giày Đài Loan Chí Hùng ở Đồng Nai, kéo dài ba ngày²⁶, và gần đây nhất là 3.000 NLĐ trong ngành may mặc tại công ty YSS của Hồng Kông tại Nam Định.²⁷

Dấu hiệu phân biệt đối xử đối với người lao động nữ và người lao động lớn tuổi

Mặc dù NSDLĐ chưa bao giờ thừa nhận, NLĐ được phỏng vấn cho biết quá trình tái cấu trúc lao động thường có xu hướng xét đến tuổi tác và giới. Theo NLSS, những người mất việc bao gồm “NLĐ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ”, hoặc “người lao động lớn tuổi” (50 tuổi trở lên), do cho rằng năng suất thấp và thường không đạt được mục tiêu sản xuất. Nghiên cứu của ILO cũng cho thấy NLĐ lớn tuổi, phụ nữ, lao động di cư và lao động nữ đang mang thai có nguy cơ bị sa thải cao hơn (Hình 18). Khả năng NLĐ lớn tuổi tìm được việc làm (chính thức) mới là rất ít, kể cả trong thời gian bình thường. Do đó, những NLĐ này hoặc sẽ phải chấp nhận làm các công việc phi chính thức và nguy hiểm, hoặc về quê làm ruộng.

Hình 18: Quan sát của NLĐ về nhóm NLĐ dễ bị sa thải nhất?



Nguồn: ILO Việt Nam (2020)

25. Trong năm 2020, tại VN có 126 cuộc đình công (tự phát) (Thống kê của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 2020)

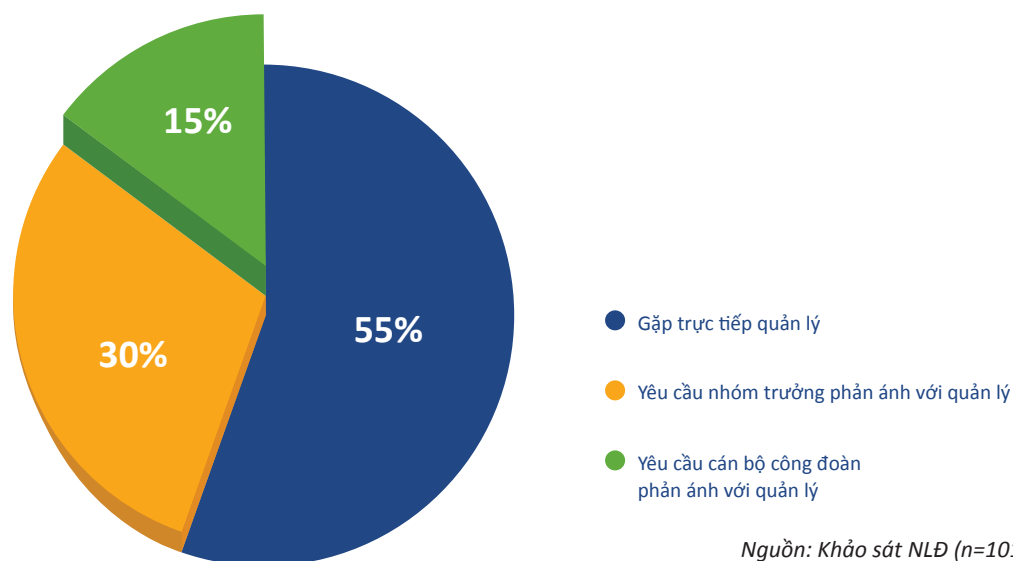
26. <https://nld.com.vn/cong-doan/vi-sao-8000-cong-nhan-cong-ty-tnhh-chi-hung-dinh-cong-20200601151038704.htm>

27. <http://daidoanket.vn/nam-dinh-hang-nghin-cong-nhan-may-ngung-viec-vi-khong-duoc-thuong-tet-549697.html>

Vai trò của Công đoàn tại nơi làm việc

Trước đại dịch COVID-19, hệ thống công đoàn Việt Nam – vốn không có nhiều thay đổi từ giai đoạn kinh tế tập trung, đã gặp nhiều khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ đại diện trước NSDLĐ về quyền và lợi ích của NLĐ.²⁸ Tại nơi làm việc, việc các lãnh đạo công đoàn bị phụ thuộc vào NSDLĐ là tình trạng phổ biến. Ước tính có khoảng 60% lãnh đạo công đoàn tại doanh nghiệp hiện nay đồng thời là cán bộ quản lý của doanh nghiệp²⁹. Bởi vậy, trong những giai đoạn khủng hoảng như COVID-19, việc công đoàn doanh nghiệp chưa thực sự hoạt động tích cực trong việc bảo vệ lợi ích của người lao động cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Theo đánh giá của ILO Việt Nam vào tháng 6 năm 2020, chỉ có 15.5% NSDLĐ có tham vấn cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp về các biện pháp cắt giảm chi phí, và chỉ có 4.11% số NLĐ được phỏng vấn khẳng định có công đoàn đại diện cho NLĐ khi thương lượng với NSDLĐ trong các kế hoạch điều chỉnh trong COVID-19 (ILO Việt Nam 2020). Khi thực hiện khảo sát này vào tháng 9 năm 2020, mặc dù tất cả những NLĐ đều làm việc tại các doanh nghiệp có công đoàn, chỉ có 15% lựa chọn trình bày bất đồng của mình về các biện pháp cắt giảm chi phí thông qua cán bộ công đoàn (Hình 19), mặc dù có 8/10 NLĐ mong muốn công đoàn đứng về phía mình để thương lượng với NSDLĐ.

Hình 19: Các kênh mà NLĐ sử dụng để phản hồi bất đồng về các biện pháp cắt giảm chi phí



28. Vấn đề này đã được thảo luận rộng rãi, vui lòng tham khảo thêm: Clarke, Lee and Do (2007); Chan (2011); Tran (2013); Schweishelm and Do (2019)

29. Trinh (2013)

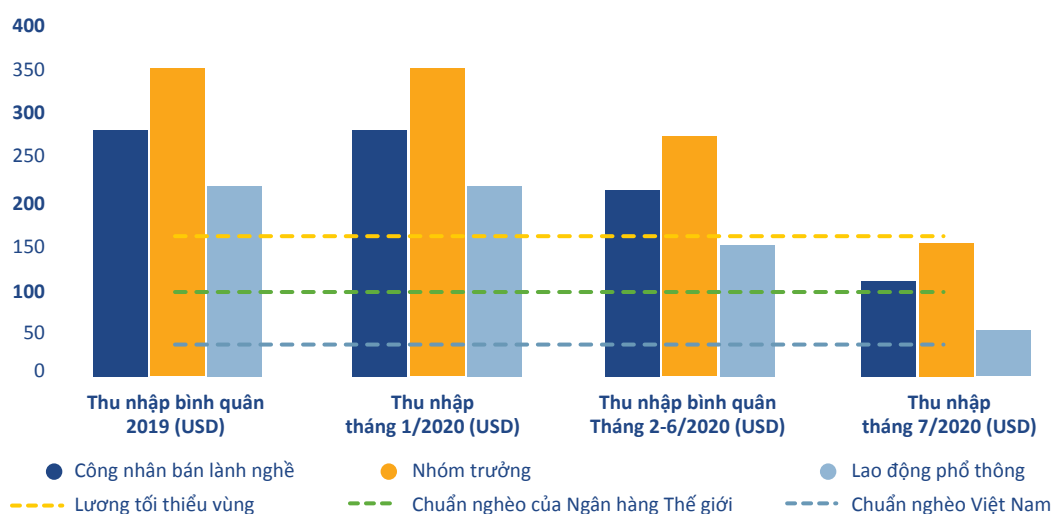
Tuy nhiên, các sáng kiến tốt mà một số ít các công đoàn cấp tỉnh đã thực hiện cho thấy công đoàn hoàn toàn có thể bảo vệ lợi ích NLĐ trong giai đoạn khủng hoảng một cách tích cực. Công đoàn khu công nghiệp tại Hải Phòng đã thương lượng với Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại địa phương xây dựng kế hoạch ba bước nhằm bảo đảm việc làm cho NLĐ. Bước một, NLĐ nghỉ phép sẽ được nhận 70% lương cơ bản (ILO Việt Nam 2020). Bước thứ hai, tiền lương cho NLĐ sẽ bị giảm thêm, và ở bước cuối cùng, NLĐ sẽ tạm thời nghỉ không lương nhưng vẫn bảo đảm giữ được việc làm.³⁰ Một ví dụ khác là công đoàn tỉnh Đồng Nai đã giám sát tình trạng cho NLĐ nghỉ việc ở các doanh nghiệp và nhanh chóng can thiệp để đảm bảo rằng NSDLĐ không lấy COVID-19 làm cớ để sai thải không công bằng đối với NLĐ.

Hệ quả của gián đoạn việc làm và thu nhập

Rơi vào vòng xoáy đói nghèo

Mức thu nhập trung bình của NLĐ trong ngành đồ may mặc và da giày trong 6 tháng đầu năm 2020 giảm đáng kể, với mức giảm trung bình 33% so với năm 2019 (Hình 20). Kể cả đối với những NLĐ may mắn giữ được việc làm, thu nhập của họ cũng giảm mạnh do không có thời gian làm việc ngoài giờ. Khủng hoảng COVID-19 đã hé lộ tính thiếu bền vững của hệ thống lương hiện nay trong ngành công nghiệp đồ may mặc và da giày: NLĐ nhận mức lương cơ bản thấp, và phải phụ thuộc nhiều vào việc làm thêm giờ để có thu nhập đủ sống; trong khủng hoảng, khi mất đi khoản tiền trả làm thêm giờ này, NLĐ ngay lập tức phải đối mặt với việc mức sống giảm sút.

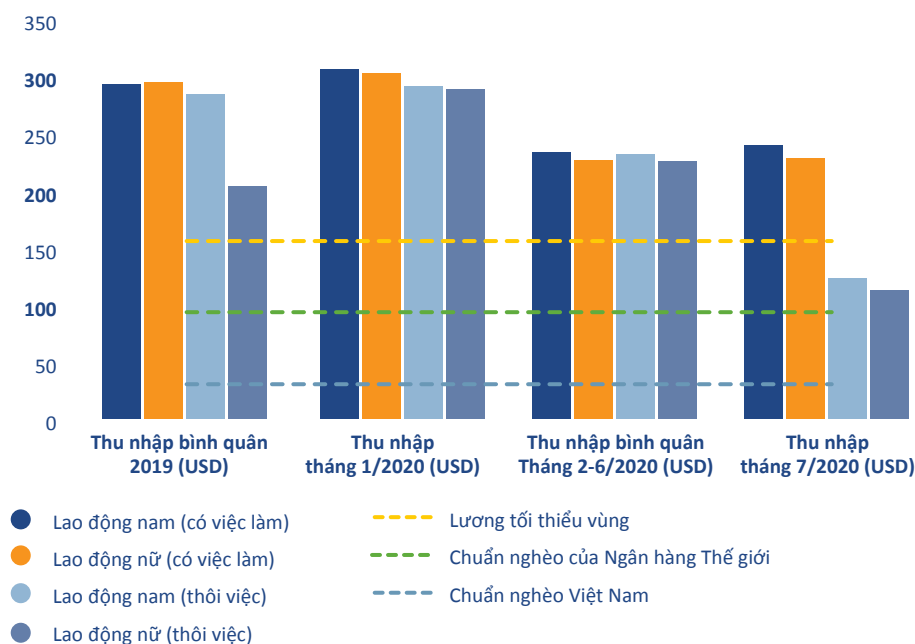
Hình 20: Những thay đổi về thu nhập ở các nhóm NLĐ



30. Phỏng vấn chủ tịch công đoàn một khu công nghiệp tại Hải Phòng, tháng 4/2020

Đối với NLD tạm nghỉ việc và mất việc, mức thu nhập giảm lần lượt là 50% và 59%. Vào thời điểm thực hiện khảo sát này, 65.8% NLD bị mất việc vẫn chưa tìm được việc mới và 23.3% tìm được các công việc tạm thời, hoặc phi chính thức. Hệ quả là, 12% số NLD số người lao động mất việc đang sống dưới mức chuẩn nghèo mà Ngân hàng Thế giới đưa ra (US\$3.2/ngày)³¹ và có thể còn tiếp tục giảm rất nhanh tới mức chuẩn nghèo của Việt Nam (US\$ 1.2/ngày)³² nếu không có nguồn thu nhập khác.

Hình 21: So sánh mức thu nhập bình quân theo tháng của NLD trong ngành may mặc và da giày đang làm việc và đã mất việc, tháng 1 – tháng 7 năm 2020



Nguồn: Khảo sát NLD (n=1280)

Mức cắt giảm lương với nữ cao hơn nam.

NLD nữ giới có mức giảm thu nhập lớn hơn so với NLD nam giới. Trong số NLD hiện đang làm việc, thu nhập của nữ giới giảm 27% và nam giới giảm 19%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm NLD mất việc là 63% đối với nữ và 51% đối với nam.

Bắt nguồn từ việc thu nhập giảm, 93% NLD tham gia phỏng vấn cho biết họ buộc phải cắt giảm các chi tiêu sinh hoạt cơ bản như tiền ăn uống hay các mặt hàng thiết yếu khác. Hiện vẫn chưa có báo cáo chính thức nào về tình trạng nghèo đói ở NLD trong các ngành may mặc và da giày, dù gần đây đã có một nghiên cứu ước tính rằng khoảng **2.4% người lao động trong ngành may mặc và da giày** bị đói trong Quý 2 và Quý 3 của năm 2020 (FES Việt Nam, 2020).

31.

32.

Gánh nặng nợ nần thêm chồng chất

Đại dịch đã khiến cho số hộ gia đình NLD mắc nợ tăng từ 29% lên 37%. Không may là, 13% số hộ gia đình NLD được khảo sát đã vay các khoản vay nặng lãi (tín dụng đen). Trong số những người hiện đang mắc nợ, có 44.2% không thể trả nợ và phải xin kéo dài thời gian trả nợ. Công an địa phương cũng cho biết số NLD bán sổ bảo hiểm xã hội cũng tăng lên, nghĩa là từ đây trở đi họ sẽ không nằm trong diện bảo vệ của lưới an sinh nào.³³

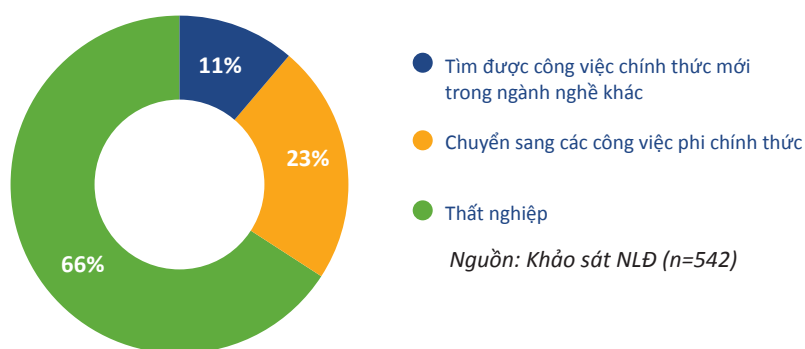
Hộp 4: Nạn nhân của tín dụng đen

H., 22 tuổi, là công nhân nữ trong một nhà máy da giày tại Đồng Nai. H đã vay nợ tín dụng đen 45 triệu đồng (tương đương USD 2,000) với lãi suất hơn 1,000%/năm để bảo đảm đủ tiền trang trải trong đại dịch. H sau đó không thể trả nợ và cuối cùng buộc phải tự tử do bị chủ nợ tín dụng đen quấy rối. Theo công an địa phương, chỉ riêng công ty này đã có khoảng 2,000 NLD vay các khoản vay tín dụng đen – Kinhdothi, 19 tháng 12 năm 2020

Về quê hay làm việc phi chính thức?

Vào tháng 8 năm 2020, chỉ có 11% số NLD mất việc trong các nhà máy may mặc và da giày có thể tìm được công việc chính thức mới; 23% chuyển sang làm các công việc phi chính thức và 66% vẫn đang thất nghiệp (Hình 22). Do tình hình phục hồi của các ngành công nghiệp vào nửa đầu năm 2021 vẫn chưa thể đạt được mức như trước đại dịch, các nhà máy sẽ tiếp tục có xu hướng cắt giảm chi phí. Trong số những NLD hiện đang làm việc trong hai ngành trên, 90.7% khá bi quan với khả năng có thể tìm việc nếu bị sa thải. Gần 1/3 có dự định sẽ về quê tại các khu vực nông thôn, và 25% sẽ tiếp tục bám trụ lại thành phố và chấp nhận làm các công việc phi chính thức.

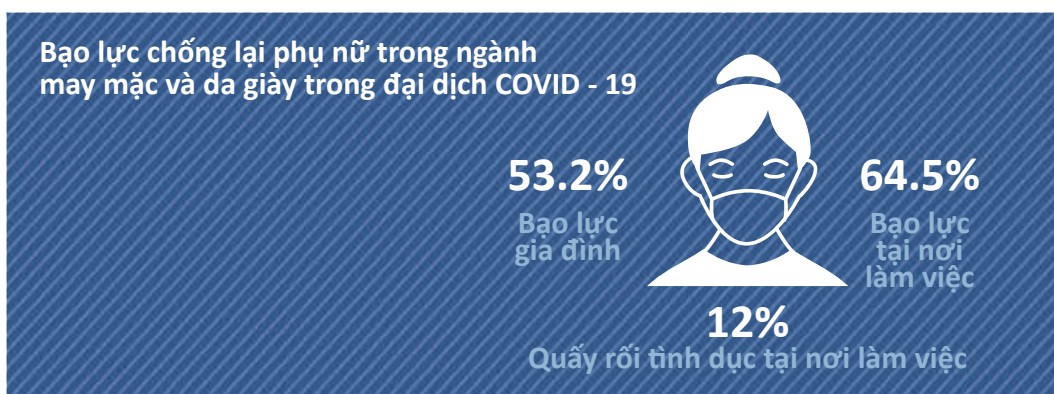
Hình 22: Tình trạng việc làm của NLD mất việc trong các nhà máy may mặc và da giày



33. http://congan.com.vn/doi-song/ro-tinh-trang-mua-ban-so-bao-hiem-xa-hoi-de-truc-loi_91191.html

Bạo lực với lao động nữ

Với mức độ căng thẳng cao hơn trong bối cảnh COVID-19, bạo lực trên cơ sở giới có xu hướng gia tăng, trong đó phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực cao hơn nam giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong khi 19,8% lao động nữ cho biết đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực, cả ở tại nhà và tại nơi làm việc) trong 6 tháng qua, con số này ở lao động nam là 11,9%. Tỷ lệ bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong giai đoạn COVID-19 tăng gần gấp đôi (53,2%) so với năm 2019 (31,6%).³⁴



Hộp 5: Mất việc làm, và mắc kẹt ở nhà với người chồng bạo lực

Chị T là công nhân may mặc ở một công ty tư nhân ngoại thành Hà Nội. Do dịch COVID-19 bùng phát, công ty phải tạm thời đóng cửa nên chị mất việc làm và thu nhập. Chồng chị T là công nhân điện, cũng bị mất việc vào đợt dịch. Để trang trải gia đình, chị T phải bán rau trồng trong vườn. Nhưng chồng chị T dành hết tiền đánh bạc và đòi chị T đưa thêm tiền. Chị từ chối thì chồng sẽ quát mắng và đánh chị thậm tệ. Chị T chia sẻ: “Đang ăn cơm thì ông ấy ném cái bát vào mặt, xước hết nên phải dán băng.” Một lần khác, chồng chị chất hết quần áo và chăn gối quanh nhà, tưới xăng rồi châm lửa đốt, chị phải gọi nhà chồng đến cứu cả trẻ con. Gia đình chồng, hàng xóm, hội phụ nữ và chính quyền địa phương đều phải tới giúp chị nhiều lần mỗi khi có bạo hành. Chị T rất nhiều lần chán nản, và một lần đã phải đi cấp cứu vì uống thuốc ngủ tự tử. Chị muốn li dị để chấm dứt cuộc hôn nhân bất hạnh này, nhưng chị thương con và cũng không có đủ tài chính nên tiếp tục sống như vậy.

*Nghiên cứu trường hợp trong một nghiên cứu do
Tổ chức ISDS Việt Nam thực hiện (2020)*

34. Điều tra Quốc gia về Bạo lực chống lại phụ nữ tại Việt Nam, 2019. <https://vietnam.unfpa.org/vi/publications/%C4%91%E1%B- B%81u-traqu%E1%BB%91c-gia-v%E1%BB%81-b%E1%BA%A1o-l%E1%BB%B1c-%C4%91%E1%BB%91i-v%E1%BB%9Bi-ph%E1%BB%A5-n%E1%BB%AF-%E1%BB%9Fvi%E1%BB%87t-nam-n%C4%83m-2019>

Các tác động tới việc làm và thu nhập từ COVID-19 đã tạo ra sự dịch chuyển cân bằng quyền lực giữa người lao động và người sử dụng lao động. Điều này, cùng với sự thiếu hụt minh bạch thông tin về các tác động tới doanh nghiệp và ảnh hưởng tới ổn định việc làm, đã đặt người lao động - đặc biệt là lao động nữ, vào vị trí dễ bị tổn thương. Một hình thức bạo lực dựa trên yếu tố giới tại nơi làm việc là quản lý chủ mắg NLD (64.5%). Đặc biệt, có 12% NLD cho biết tình trạng quấy rối tình dục chống lại phụ nữ có tăng lên, bao gồm việc kể chuyện bậy bạ về những bộ phận nhạy cảm trên cơ thể, trêu đùa có tính chất tình dục, và thể hiện mong muốn tình dục, đặc biệt là với NLD mới vào làm.

Hộp 6: Quấy rối tình dục tại nơi làm việc

“... Tôi sợ, anh ấy thích tôi nên thường xuyên đến, chỉ cho tôi cách làm và sau đó chạm vào người tôi, điều đó cũng khó chịu nhưng tôi bỏ qua tất cả và tập trung vào công việc của mình. Vào tháng 4 [năm 2020], sau 2 tuần ngừng hoạt động, công ty của tôi chỉ còn 1/3 công nhân; Anh ta gọi cho tôi để thông báo rằng hợp đồng của tôi sắp hết hạn, vào tháng Bảy tới, nêu tên những công nhân sẽ không được gia hạn hợp đồng, và cười khẩy hỏi tôi có muốn gia hạn hợp đồng hay tự nguyện nghỉ việc. Tôi sợ mất việc nhưng càng sợ hãi trước một kẻ biến thái như vậy. Tôi bị ám ảnh không ngủ được, anh ấy còn nhắn tin nửa đùa nửa thật để hỏi chỗ tôi ở; tôi không thể tập trung vào công việc của mình và sẽ bị kiểm tra lỗi vào ngày hôm sau nếu tôi không trả lời tin nhắn”- T., một công nhân may mặc 25 tuổi tại Đồng Nai và là mẹ đơn thân có con gái 4 tuổi. T đã ký hợp đồng 3 năm với công ty và tới thời điểm gia hạn hợp đồng, giám đốc nhà máy gọi T lên trao đổi và hứa sẽ giúp gia hạn nếu đồng ý hẹn hò bí mật với giám đốc. Quá sợ hãi, T quyết định nghỉ việc.

-Phỏng vấn tại Đồng Nai, tháng 8/2020 -

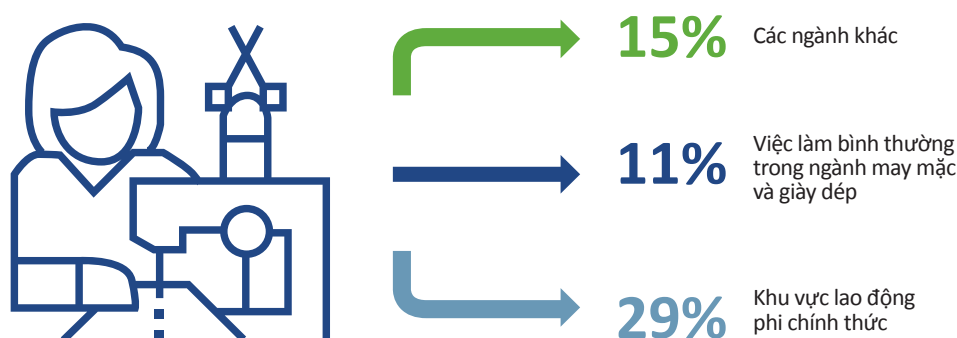
Lo lắng và bất an kéo dài cùng với bạo lực dựa trên yếu tố giới làm tăng nguy cơ mắc các vấn đề sức khỏe tâm thần của người lao động lên 3,7 lần, và có thể lên **cao tới 4,3 lần ở lao động nữ**. Đồng thời, các yếu tố này cũng làm **giảm 31 - 54% năng suất của người lao động**. Năng suất trung bình trong thời gian bùng phát dịch COVID-19 do công nhân tự đánh giá là 73 điểm phần trăm.³⁵

Cái giá của sự phục hồi

Về lâu dài, những điều chỉnh của các doanh nghiệp đầu mối và các nhà cung ứng do tác động của dịch COVID-19 sẽ dẫn đến việc tái cơ cấu ngành may mặc và da giày ở Việt Nam. Áp lực chi phí gia tăng sẽ khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải thu hẹp hoặc đóng cửa. Do quá trình tự động hóa, có rất ít khả năng là các nhà máy quy mô lớn sẽ gia tăng đáng

35. Năng suất lao động do NLD tự đánh giá và cho điểm trên thang điểm từ 1 tới 100, sau đó được quy đổi thành %

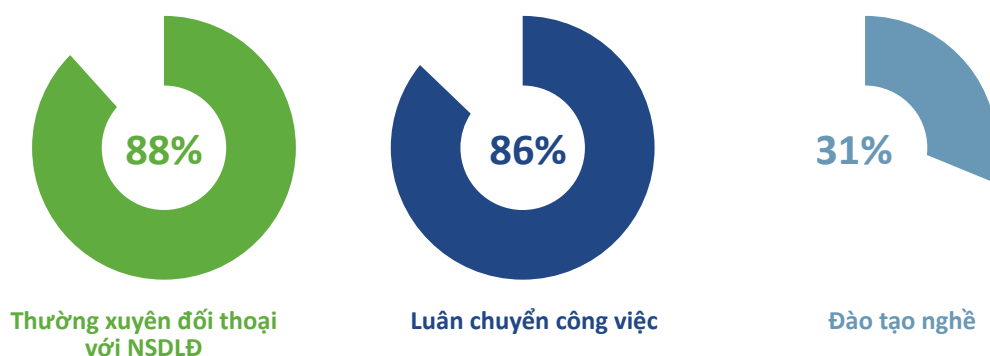
Xu hướng dịch chuyển của lao động hàng may mặc và da giày hậu COVID - 19



kể số lượng lao động của mình. Điều này có nghĩa là lực lượng lao động của các ngành công nghiệp sẽ phải đối mặt với việc cắt giảm quy mô đáng kể. Theo tính toán của các tác giả báo cáo, 15% lực lượng lao động trong lĩnh vực may mặc và giày dép sẽ chuyển sang các ngành sản xuất khác như điện tử, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ và thủ công mỹ nghệ. Sự chuyển dịch của công nhân may mặc và giày dép sang các công việc phi chính thức cũng sẽ tăng lên. Cụ thể, 11% số lao động hiện có có xu hướng tiếp tục làm việc trong lĩnh vực này nhưng chuyển sang các công việc bình thường hoặc bán thời gian, hoặc các hình thức việc làm phi chính thức ngắn hạn, và 29% tham gia thị trường lao động phi chính thức - trong đó 38% sẽ về quê.

Khi các ngành công nghiệp bước vào giai đoạn tái cơ cấu, 87.8% người lao động được phỏng vấn mong muốn được đối thoại thường xuyên hơn với người sử dụng lao động về tình hình của doanh nghiệp và các biện pháp ứng phó có thể ảnh hưởng đến họ. Người lao động coi dịch vụ giới thiệu việc làm (85,9%) và đào tạo nghề (31%) là những hình thức hỗ trợ chính mà họ mong muốn nhận được để tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế.

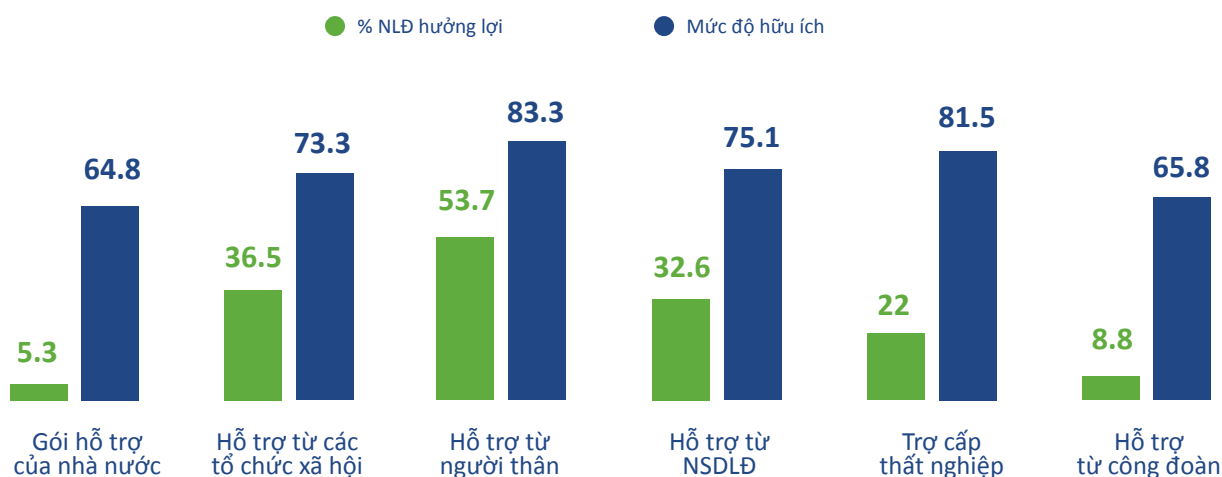
Người lao động cần gì để phục hồi?



Mô hình hỗ trợ nào hiệu quả trong khủng hoảng?

Có hai hình thức hỗ trợ cho người lao động trong thời kỳ khủng hoảng: (i) các mạng lưới an sinh có cơ cấu rõ ràng, như các nhóm xã hội của NLĐ (gia đình và bạn bè), trợ cấp thất nghiệp, các phúc lợi khác do NSDLĐ cung cấp, và công đoàn đại diện khi thương lượng với NSDLĐ, và; (ii) sự hỗ trợ khẩn cấp của Nhà nước, các tổ chức xã hội và các nhà hảo tâm. Mặc dù hỗ trợ khẩn cấp là quan trọng, nhưng nó thường bị trì hoãn và có thể không đến được với tất cả những người lao động cần đến. Đặc biệt, các chương trình hỗ trợ COVID-19 của chính phủ chỉ tiếp cận được tới 5,3% số NLĐ bị dừng việc và mất việc trong khảo sát này (Hình 23).

Hình 23: Các nguồn hỗ trợ NLĐ đã được nhận trong đại dịch và mức độ hữu ích đối với họ



Nguồn: Khảo sát NLĐ (n=1280)

NLĐ tham gia khảo sát coi những hỗ trợ có tính cấu trúc như trợ cấp thất nghiệp (81.5% người được hỏi) và các hỗ trợ từ NSDLĐ (75.1% người được hỏi) là các nguồn hỗ trợ hữu ích nhất trong đại dịch. Khi đại dịch ảnh hưởng tới NLĐ, những lưới cấu trúc an sinh này đã trở nên dễ tiếp cận hơn là những gói hỗ trợ theo từng trường hợp: 32.6% NLĐ nhận được hỗ trợ từ NSDLĐ và 22% NLĐ mất việc đã nhận được trợ cấp thất nghiệp.

Một trong những hình thức hỗ trợ có tính cơ cấu quan trọng nhất nhưng không hoạt động hiệu quả trong cuộc khủng hoảng là các tổ chức công đoàn. Như đã thảo luận ở phần trước, tổ chức công đoàn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động trong quá trình đàm phán với người sử dụng lao động về các biện pháp cắt giảm chi phí, cũng như xử lý khiếu nại của người lao động trong thời kỳ khủng hoảng. Do đó, việc củng cố các công đoàn, cả ở cấp doanh nghiệp và cấp vùng địa phương, là vô cùng cần thiết để giảm thiểu các tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng đối với NLĐ trực tiếp.



Ảnh: ERC

CHƯƠNG 4



**Định nghĩa lại về
phát triển bền vững:
Một số khuyến nghị**

Cách tiếp cận toàn diện với phát triển bền vững trong các chuỗi cung ứng toàn cầu

Từ trước đến nay, phát triển bền vững trong các chuỗi cung ứng thường đặt trọng tâm vào một phạm vi hẹp là giám sát sự tuân thủ của các nhà cung cấp đối với các tiêu chuẩn xã hội, môi trường và tài chính (UN Global Compact 2010; Anner 2015; Do 2019). Đại dịch COVID-19 đã chứng minh rằng, ít nhất là trong trường hợp của ngành may mặc và da giày ở Việt Nam, phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu phụ thuộc vào thực tiễn của cả các công ty đầu chuỗi (các nhãn hàng) và các nhà cung cấp trong bối cảnh quốc gia. Khi các nhãn hàng cố gắng duy trì các cuộc đối thoại thường xuyên với các nhà cung ứng (và cả các nhà cung cấp con) của mình để chia sẻ rủi ro và tìm ra các giải pháp đôi bên cùng có lợi, các tác động kinh tế tiêu cực đối với các nhà cung cấp và người lao động của họ đã được giảm thiểu, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho một quá trình phục hồi trơn tru.

Hơn nữa, khi ngành may -giày tái cấu trúc và phân hóa, việc các nhà cung cấp có tuân thủ các tiêu chuẩn về lao động và môi trường hay không phụ thuộc vào việc họ có nâng cao giá trị sản xuất được hay không. Nếu không nâng cấp được khả năng kinh tế, áp lực chi phí xuyên suốt chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ dẫn đến sự suy giảm quyền của người lao động và các nhà cung cấp sẽ gian lận khi kiểm toán xã hội, và do đó, sẽ làm tổn hại danh tiếng của các nhãn hàng. Với xu hướng luật hóa việc rà soát nhân quyền trong chuỗi cung ứng, đặc biệt là ở châu Âu và Hoa Kỳ, việc ép giá trong chuỗi cung ứng có thể dẫn đến rủi ro vi phạm pháp luật cho các nhãn hàng. Do đó, thay vì áp đặt các yêu cầu lên các nhà cung cấp, các nhãn hàng nên hỗ trợ nhà sản xuất của mình nâng cao giá trị sản xuất để giảm chi phí trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về phát triển bền vững.



Khi mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp ngày càng gay gắt hơn trong thời kỳ đại dịch, việc liên kết giữa bảo đảm người lao động có hiệu suất làm việc cao nhưng không bị kiệt sức, với sự phân bổ các đơn hàng mua sắm đóng vai trò vô cùng quan trọng giúp thúc đẩy gia tăng đầu tư vào phát triển bền vững. Nếu các nhãn hàng đơn thuần chỉ coi tuân thủ là điều kiện đầu vào và chỉ phân bổ đơn hàng dựa trên chi phí (thường là thấp), các nhà cung cấp sẽ không có động lực tuân thủ tốt hơn.

Tại các nước cung ứng, các nhà sản xuất không chỉ cần tuân thủ các tiêu chuẩn xã hội và môi trường quốc gia, mà còn phải cố gắng làm tốt hơn nữa để giữ được vị trí của mình trong chuỗi cung ứng. Điều này có nghĩa là các nhà máy cần khắc phục các vấn đề mang tính hệ thống quốc gia, mà trong trường hợp của Việt Nam, là việc thiếu cơ chế đại diện cho người lao động hiệu quả và thiếu hụt đối thoại xã hội. Nâng cao giá trị sản xuất cũng dẫn đến tự động hóa và những thay đổi trong công nghệ. Thay vì sa thải những lao động dôi dư, việc các nhà máy đào tạo lại họ để làm công việc mới sẽ bền vững hơn.

Một số Khuyến nghị cho các nhãn hàng quốc tế ³⁶

Các khuyến nghị này được xây dựng đồng thời với việc kết hợp chặt chẽ với các khuyến nghị của hai nhóm nghiên cứu đối với Chính phủ Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp, công đoàn và các tổ chức phi chính phủ mà nội dung đã được đưa vào các báo cáo khác. Những đề xuất sau đây không chỉ áp dụng cho các nhãn hàng đang tìm nguồn cung ứng trực tiếp từ các nhà sản xuất tại Việt Nam, mà còn cho cả các nhà cung cấp. Các nhà thầu phụ cung cấp thông qua trung gian thường có vị thế yếu nhất trong chuỗi cung ứng vì họ phải đối mặt với áp lực chi phí lớn nhất trong khi ít được hỗ trợ nâng cao giá trị sản xuất và các giá trị xã hội. Do đó, các nhà bán lẻ và các nhãn hàng cần hợp tác chặt chẽ với các nhà bán buôn và nhà cung cấp của họ để thực hiện các sáng kiến được đề xuất trong chuỗi cung ứng.

36. Những đề xuất sau đây không chỉ áp dụng cho các nhãn hàng đang tìm nguồn cung ứng trực tiếp từ các nhà sản xuất tại Việt Nam, mà cho cả các nhãn hàng đang tìm nguồn cung qua trung gian, bán buôn và bán lẻ.

Một số khuyến nghị ngắn hạn

Duy trì đối thoại thường xuyên với nhà cung ứng

- Thiết lập các kênh duy trì liên lạc và quy tắc liên lạc cụ thể với các nhà cung ứng; kênh khiếu nại cho các nhà cung ứng cần được xây dựng kèm theo đó để có thể thu thập phản hồi và các khiếu nại từ chuỗi
- Thường xuyên liên lạc với các nhà cung ứng về đơn hàng, tình hình sản xuất của nhà cung ứng, các tác động tới NLĐ, và bất kỳ thay đổi nào từ cả hai phía
- Hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương xây dựng tài liệu hướng dẫn và đào tạo cho các DNNVV về cách thức liên lạc/giao tiếp với bên mua

Đảm bảo rằng nhà cung ứng đã tham vấn NLĐ đầy đủ trước khi đưa ra bất kỳ quyết định nào liên quan tới lao động và không khoan nhượng với các hành vi phân biệt đối xử

- Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và công đoàn xây dựng hướng dẫn về cách thức lấy ý kiến người lao động khi áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí cho các nhà máy
- Yêu cầu các kiểm toán viên xã hội làm việc chặt chẽ với công đoàn địa phương và các tổ chức phi chính phủ nhằm đảm bảo NLĐ được đối xử công bằng

Hỗ trợ khẩn cấp đối với NLĐ đang gặp khó khăn

- Làm việc với nhà cung ứng rà soát tình hình của NLĐ
 - Làm việc với nhà cung ứng, các công đoàn và các tổ chức phi chính phủ, xây dựng quỹ khẩn cấp hỗ trợ NLĐ có khó khăn đặc biệt (như NLĐ bị mất 30% thu nhập, NLĐ là cha/mẹ đơn thân)
-

Một số khuyến nghị giúp bảo đảm phát triển bền vững lâu dài trong chuỗi cung ứng toàn cầu

Liên kết mua và phát triển bền vững
• Tích hợp các điều khoản chia sẻ rủi ro trong các hợp đồng với các nhà cung ứng nhằm đảm bảo rằng các đơn hàng đã ký sẽ không bị các nhãn hàng đơn phương hủy bỏ
• Xây dựng hệ thống chấm điểm minh bạch, bao gồm cả chấm điểm hiệu suất đảm bảo bền vững, và phân bổ đơn hàng
• Tính toán bao gồm cả chi phí tuân thủ vào giá thành đơn hàng, với tỷ lệ chia sẻ chi phí cao hơn đối với các nhà cung ứng hoạt động tốt hơn, và chi phí cải thiện vượt mức các tiêu chuẩn tối thiểu
• Xác định các khó khăn cụ thể trong nước đối với việc đảm bảo phát triển bền vững, và cộng tác với các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế để xây dựng giải pháp
• Thường xuyên rà soát các thực hành mua sắm nhằm ngăn chặn những tác động tiêu cực lên khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn của doanh nghiệp
Đánh giá các vấn đề có tầm quan trọng đối với NLD nữ
• Cả nhãn hàng và nhà máy đều cần xây dựng kênh khiếu nại cho các vấn đề liên quan tới NLD nữ (bạo lực giới, an toàn và vệ sinh, thai sản, v.v)
• Giám sát khoảng cách về lương theo giới trong chuỗi cung ứng và tổng hợp các giải pháp cải thiện lương của NLD nữ trong các chính sách bền vững
• Tổ chức đào tạo/tập huấn cho các nhà cung cấp về các vấn đề liên quan cụ thể tới giới
• Khuyến khích tiếng nói của NLD nữ thông qua giám sát tỷ lệ NLD nữ tham gia vào đối thoại với NSDLĐ, đại diện cho NLD và các cấp bậc quản lý
Hỗ trợ nhà cung ứng nâng cao giá trị sản xuất
• Cung cấp thông tin và hướng dẫn đối với các nhà cung ứng về công nghệ, nguyên liệu và sản phẩm mới nhất
• Cung cấp các khoản vay cho nhà cung ứng để áp dụng các công nghệ tiên tiến (xanh)
• Hỗ trợ đào tạo cho các nhà cung ứng về kỹ năng nâng cao (thiết kế, vật liệu, thúc đẩy bán hàng, kỹ năng mềm, v.v..) cần thiết để nâng cấp giá trị kinh tế
• Hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương hỗ trợ các nhà cung ứng nâng cao giá trị kinh tế

Hỗ trợ DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững

- Làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương để xác định các nhà sản xuất là DNNVV tiềm năng có thể tham gia vào chuỗi cung ứng
 - Làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương và tổ chức phi chính phủ trong nước để tạo ra trung tâm ảo, giúp DNNVV tiếp cận các tiêu chuẩn, hướng dẫn và đào tạo về bền vững
 - Cùng thường xuyên tổ chức các diễn đàn để gặp gỡ với các nhà cung ứng là các DNNVV tiềm năng
 - Xây dựng quỹ DNNVV cung cấp hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và về bền vững cho các DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng
-

Khuyến nghị tới chính phủ các quốc gia nhập khẩu

Ngày càng có nhiều các quốc gia nhập khẩu các sản phẩm may mặc và da giày từ Việt Nam xây dựng các chính sách pháp luật yêu cầu tuân thủ bắt buộc các điều kiện về quyền con người trong chuỗi cung ứng (như Hà Lan, Pháp, Anh, Úc); hoặc một số quốc gia đã có kế hoạch xây dựng (như Đức hay Liên minh Châu Âu). Dựa trên các phát hiện từ nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng các chính sách tuân thủ bắt buộc này cần xem xét những yếu tố sau:

- Đầu tiên, phù hợp với Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền con người của Liên Hợp Quốc, luật pháp phải bao gồm tất cả các hoạt động của các công ty³⁷, bao gồm các hoạt động chính, hoạt động của các công ty con và các hoạt động đã cam kết, quan hệ kinh doanh – bao gồm toàn bộ các chuỗi cung ứng và chuỗi thầu phụ, nhượng quyền, và quản lý hợp đồng.
- Thứ hai, để tạo sân chơi bình đẳng, luật pháp cần được áp dụng với cả các công ty đăng ký trong nước và các công ty bán hàng cho quốc gia liên quan
- Tuân thủ quyền con người bắt buộc cần hướng tới mục tiêu là một hệ thống và các quy trình tuân thủ giúp khuyến khích cải thiện liên tục trên toàn bộ chuỗi cung ứng, hơn là chỉ tuân thủ đơn thuần. Như vậy, nó không chỉ tập trung vào tuân thủ thuần túy, mà còn xây dựng các chiến lược và quy trình có sẵn giúp xác định được các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề, tìm hướng giải quyết và liên tục cải thiện.
- Trong giám sát, việc cân nhắc tới NLD, công đoàn và đại diện hợp pháp của họ là vô cùng quan trọng khi các doanh nghiệp xác định và thực hiện các biện pháp tuân thủ. NLD, công đoàn và các đại diện hợp pháp cần được tham vấn trong quá trình xác định và thực hiện các sáng kiến tuân thủ trong doanh nghiệp
- Cung cấp hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam để họ có thể tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững.

37. https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/Intro_Guiding_PrinciplesBusinessHR.pdf

Tài liệu tham khảo

Anner, M. (2020). *Abandoned? The Impact of COVID-19 on Workers and Businesses at the Bottom of Global Garment Supply Chains*. CGWR Research Report (March 27, 2020)

Do, Q. Chi. (2020). *Quick Impact Assessment of COVID-19 on key economic sectors: Responses, Adjustment and Resilience*. ILO Vietnam Working Paper. Link: https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_757929/lang--en/index.htm

FES Asia. (2020). *Responsibility in the time of Crisis: Brands' practices during the COVID-19 Pandemic and Impacts on Factories and Workers in the Garment, Footwear and Electronic Supply Chains in Vietnam*. Tài liệu thảo luận của FES Asia. Link: <http://library.fes.de/pdf-files/bueros/Viet Nam/17161.pdf>

Tổng cục Thống kê. (2019). *Niên giám thống kê 2019*. Hanoi: TCTK

Tổng cục Thống kê (TCTK). (2020). *Tổng quan tình hình phát triển kinh tế-xã hội năm 2020*. Hanoi: TCTK

ILO Vietnam. (2020). *COVID-19 and the labour market in Việt Nam*. Xuất bản 21 tháng 4 năm 2020

ILO. (2020). *COVID-19 and world of work: Impacts and responses*. ILO Briefing Note

ITMF. (2020). *Bản tin Quý 2*. Link: <https://www.itmf.org/events/29-publications/newsletter>

Meredith Watkins and Gianluca Corinaldesi. (2020). *COVID-19 and Global Supply Chains: Disruptions and Restructuring*. Link: <https://today.duke.edu/2020/04/-COVID-19-and-global-supply-chains-disruptions-and-restructuring>

Nir Jaimovich and Henry E. Siu. (2012). *Job Polarization and Jobless Recoveries*. National Bureau of Economic Research Working Paper No. 18334

PWC. (2020). *COVID-19 CFO Pulse Survey US/Mexico findings*. Xuất bản ngày 30 tháng 3 năm 2020

PWC. (2020). *Impacts of COVID-19 on the Fashion Industry*. Bản điện tử trực tuyến

UNCTAD. (2020). *Trade and Development Report Update: Global Trade Impact of the Coronavirus (COVID-19) Epidemic*. Xuất bản ngày 4 tháng 3 năm 2020.

Tổng cục Hải quan Việt Nam. 2020. *Tình hình xuất nhập khẩu năm 2019*. Link: <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1734&Category=Ph%C3%A2n&Group=>

VITAS and LEFASO. (2020). *Joint statement on the initiatives to overcome the impacts of COVID-19 on the textile, textile and garment and footwear industry*. Link: http://www.Viet Namtextile.org.vn/tuyen-bo-chung-ve-sang-kien-hop-tac-khac-phuc-hau-qua-cua-dai-dich-cov_p1_1-1_2-1_3-742_4-4491.html

Vu, Thinh. (2020). *Impacts of COVID-19 on the productivity, work attitude and mental health of office workers*. Tài liệu chưa xuất bản.

Willy Shih. (2020). *Is It Time to Rethink Globalized Supply Chains?* MIT Sloan Summer 2020. Link: <https://sloanreview.mit.edu/article/is-it-time-to-rethink-globalized-supply-chains/>

